

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Lê Hoàng Phước

**TỘI THAM Ô TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
TỈNH LONG AN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Lê Hoàng Phước

**TỘI THAM Ô TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT
HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
TỈNH LONG AN**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số : 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
GS.TS. BÙI MINH THANH

HÀ NỘI – 2018

LỜI CAM ĐOAN

Luận văn “*tội tham ô tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An*” là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn của thầy GS.TS. BÙI MINH THANH. Tôi cam đoan số liệu, ví dụ nêu trong Luận văn hoàn toàn là trung thực, chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các thông tin và số liệu trích dẫn trong Luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc.

Tác giả Luận văn

LÊ HOÀNG PHƯỚC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI THAM Ô TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	6
1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội tham ô tài sản	6
1.2. Phân biệt tội tham ô tài sản với một số tội phạm khác	17
1.3. Lịch sử phát triển các quy định về tội tham ô tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam	20
Chương 2. ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI THAM Ô TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN	30
2.1. Khái quát về tình hình xét xử tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An	30
2.2. Thực tiễn định tội danh đối với tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An	33
2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An	44
2.4. Nhận xét và đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An	53
Chương 3. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI THAM Ô TÀI SẢN	58
3.1. Dự báo, những yếu tố tác động đến tình hình tội tham ô tài sản	58
3.2. Giải pháp hoàn thiện và áp dụng pháp luật hình sự đối với tội tham ô tài sản	63
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GD & ĐT	Giáo dục và đào tạo
THPT	Trung học phổ thông
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. So sánh số vụ án, số bị cáo đã xét xử về tội tham ô tài sản so với tổng số vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2013 đến hết năm 2017

Bảng 2.2. Hình phạt đối với tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2013 đến hết năm 2017

Bảng 2.3. Cơ cấu tổ chức lực lượng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Long An đến hết năm 2017

Bảng 2.4. Cơ cấu tổ chức của phòng thực hành quyền công tố kiểm sát điều tra, kiểm tra xét xử sơ thẩm án hình sự về kinh tế, chức vụ của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tính đến hết năm 2017

Bảng 2.5. Cơ cấu tổ chức lực lượng của Tòa án nhân dân tỉnh Long An tính đến hết năm 2017

Biểu đồ 2.1. So sánh số vụ phạm tội tham ô tài sản với tổng số vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2013 đến hết năm 2017

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công cuộc đổi mới do Đảng ta lãnh đạo đã đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nước ta đã và đang hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới. Bên cạnh những thành tựu đạt được thì các tệ nạn trong xã hội ngày càng gia tăng nhất là tội phạm tham nhũng, tham ô tài sản, đang trở thành quốc nạn trong đời sống kinh tế, xã hội, chính trị của quốc gia. Tội phạm tham ô tài sản đe dọa đến sự phát triển mọi mặt của đất nước, gây ra những rào cản trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước làm giảm uy tín của quốc gia và ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh... Trong cơ chế thị trường như hiện nay thì kinh tế là lĩnh vực luôn tìm ẩn khả năng tham ô lớn, bởi ở đó lợi ích vật chất được xác định là động lực thúc đẩy mạnh mẽ hành vi tham ô tài sản. Thực tiễn cho thấy, tội tham ô tài sản ngày càng gia tăng với quy mô và mức độ phức tạp cao, những vụ án lớn được dư luận đặc biệt quan tâm trong những năm gần đây cho thấy tính chất, quy mô, thủ đoạn của tội phạm ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Có thể kể đến những vụ án như Huỳnh Thị Huyền Như với số tiền chiếm đoạt hơn 1.000 tỷ đồng, vụ án Dương Chí Dũng gây thiệt hại cho Vinalines gần 367 tỷ đồng tham ô 28 tỷ đồng, vụ án Vũ Quốc Hảo và đồng phạm tham ô 130 tỷ đồng tại Công ty cho thuê tài chính II thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Lã Thị Kim Oanh tham ô 74 tỷ đồng ...

Trên thực tế việc điều tra, truy tố, xét xử những vụ án tham ô tài sản còn vướng mắc cả trong lý luận và thực tiễn mà pháp luật hình sự chưa thực sự hoàn thiện và chưa kịp thời điều chỉnh để phù hợp với những diễn biến phức tạp, thủ đoạn ngày càng tinh vi, kín đáo nên công tác phát hiện, xử lý gặp

nhiều khó khăn nhất là trong giai đoạn như đất nước đang hội nhập quốc tế như hiện nay.

Tình hình tội phạm tham ô tài sản ở nước ta hiện nay đang diễn ra ở cả chiều sâu lẫn chiều rộng và sức công phá của nó không chỉ dừng lại ở lĩnh vực kinh tế mà còn ở cả lĩnh vực chính trị và xã hội. Bộ luật Hình sự năm 1999 đã có hiệu lực hơn mười lăm năm nhiều quy định của Bộ luật Hình sự chưa được giải thích cụ thể. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có những thay đổi đáng kể, nhất là quy định xử phạt tội tham ô tài sản trong cả lĩnh vực tư, điều mà Bộ luật Hình sự trước đây chưa đề cập đến. Đồng thời cũng để phù hợp với Công ước Liên Hiệp Quốc về phòng, chống tham nhũng (UNCAC) mà Việt Nam là một quốc gia thành viên.

Nhằm đánh giá một cách toàn diện thực trạng tội phạm tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An, qua đó đồng thời làm rõ thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử tội phạm tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp góp phần để hoàn thiện hơn pháp luật hình sự và nội lực hóa các quy định của Bộ luật Hình sự. Đó cũng là lý do tôi chọn đề tài: *“Tội tham ô tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An”* để làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thời gian qua đã có không ít công trình nghiên cứu về tội tham ô tài sản như: Luận văn Thạc sĩ của Tô Xuân Tùng (2015) “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội tham ô tài sản trong pháp luật hình sự Việt Nam”, Khoa Luật Đại Học Quốc Gia Hà Nội; Luận văn Thạc sĩ Luật học của Tạ Thị Thủy (2009) “Tội tham ô tài sản trong luật hình sự Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, Khoa Luật Đại Học Quốc Gia Hà Nội; Phan Xuân Sơn (2010) “Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay”, Nxb Chính trị quốc gia; hay các bài viết khoa học được

đăng trên các tạp chí chuyên ngành như: Trương Thị Hằng (2006) “Bàn về chủ thể tham ô tài sản trong Bộ luật Hình sự năm 1999”, Tạp chí Kiểm sát số 06/2006; Đinh Văn Quế (2006), “Những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội tham ô tài sản trong cơ chế thị trường”, Tạp chí Kiểm sát số 22/2006...

Các công trình nghiên cứu nêu trên trình bày nhiều vấn đề trong tội tham ô tài sản nhưng chưa có một công trình nghiên cứu nào về định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An và hiện nay Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng đã có nhiều thay đổi so với Bộ luật Hình sự trước đây. Vì vậy cần thiết phải có những công trình khoa học nghiên cứu về tội tham ô tài sản để phù hợp với tình hình hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu của luận văn

Từ nghiên cứu các vấn đề lý luận, các vấn đề về luật thực định và thực tiễn áp dụng quy định của luật thực định để xử lý tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An, luận văn mong muốn đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự, nâng cao hiệu quả định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội tham ô tài sản.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

Để đạt được mục tiêu trên, đề tài cần giải quyết các nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp luật về tội tham ô tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam.

- Phân tích thực trạng áp dụng pháp luật về việc định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An trong thời gian từ năm 2013 đến hết năm 2017. Để làm rõ những khó khăn, vướng mắc, bất cập mà các cơ quan tiến hành tố tụng gặp phải khi định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội phạm này.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy phạm pháp luật về tội tham ô tài sản và nâng cao hiệu quả xử lý tội tham ô tài sản.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật về định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội tham ô tài sản theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam trên địa bàn tỉnh Long An.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu về các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam đối với tội tham ô tài sản về định tội danh và quyết định hình phạt đối với những vụ án tham ô tài sản điển hình của Viện Kiểm sát nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2013 đến hết năm 2017.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và pháp luật hình sự của Nhà nước đối với tội phạm về tham nhũng nói chung và tham ô tài sản nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng bao gồm: phương pháp so sánh, nghiên cứu lịch sử và phương pháp phân tích tài liệu, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội tham ô tài sản trong các công trình của một số nhà khoa học và các phương pháp nghiên cứu của khoa học hình sự, cụ thể là:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Đề tài nghiên cứu, tổng hợp các công trình khoa học liên quan như: đề tài khoa học, các báo cáo tổng hợp thực tiễn về công tác phòng, chống tham nhũng của Ban Chỉ đạo Trung

ương về phòng, chống tham nhũng, Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh Long An...

- Phương pháp thống kê, so sánh: Để phân biệt với các khái niệm, các thuật ngữ pháp lý, đồng thời tiến hành lập các bảng, biểu đồ so sánh các số liệu nhằm đưa ra các nhận xét, đánh giá cụ thể về vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp nghiên cứu lịch sử, tổng hợp thực tiễn: Tiến hành nghiên cứu các nội dung báo cáo tổng kết hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng. Thông qua việc tổng hợp thực tiễn, đã đánh giá và phân tích rõ hơn thực trạng về tội phạm tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ làm rõ những vấn đề lý luận về tội tham ô tài sản và qua đó đưa ra các kiến nghị giải pháp bảo đảm hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Đưa ra những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả trong việc điều tra, truy tố và xét xử tội tham ô tài sản, định hướng xu thế nội luật hóa các quy định pháp luật Việt Nam để phù hợp với các quy định quốc tế, cũng đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội tham ô trên địa bàn tỉnh Long An trong thời gian tới.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục, Luận văn được cấu trúc gồm 3 Chương, 9 tiết, 74 trang.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI THAM Ô TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội tham ô tài sản

1.1.1. Khái niệm tội tham ô tài sản

Tham ô tài sản có thể được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau, có thể là một hiện tượng tiêu cực xã hội, tệ nạn xã hội hay là hành vi vi phạm pháp luật. Theo từ điển tiếng Việt tham ô là: *“Lợi dụng chức quyền hạn hoặc chức trách để ăn cắp của công”* [52, tr.984]. Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: *“Đứng về phía cán bộ mà nói, tham ô là ăn cắp của công thành của tư; đục khoét của Nhân dân; ăn bớt của bộ đội; tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của Chính phủ để làm của riêng cho địa phương mình, đơn vị mình cũng là tham ô. Đứng về phía nhân dân mà nói, tham ô là ăn cắp của công, khai gian lậu thuế”*.

Tội tham ô tài sản là tội phạm được Nhà nước ta quy định từ rất sớm. Giai đoạn trước Bộ luật Hình sự 1985 và Bộ luật Hình sự 1999, tội tham ô tài sản đã được đề cập đến lần đầu tiên trong Sắc lệnh số 223-SL ngày 27 tháng 11 năm 1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành được xem là văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên về tội tham ô tài sản. Sau khi Bộ luật Hình sự năm 1985 được ban hành thì tội tham ô tài sản được quy định tại Điều 133 với tội danh: *“Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa”* thuộc Chương các tội phạm xâm phạm sở hữu.

Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 thì tội tham ô tài sản được quy định tại Điều 278, thuộc Chương XXI Chương các tội phạm về chức vụ. Tội tham ô tài sản được quy định như sau:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu

đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai đến bảy năm.

- a. Gây hậu quả nghiêm trọng;*
- b. Đã bị kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;*
- c. Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.*

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 của Điều này.

Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tội tham ô tài sản được quy định tại Điều 353 thuộc Chương XXIII. Các tội phạm về chức vụ, tội tham ô tài sản được quy định như sau:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;*
- b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.*

Như vậy cả hai bộ luật hình sự đều nhất quán chủ thể của tội tham ô tài sản phải là người có chức vụ và quyền hạn, họ đã lợi dụng chức vụ và quyền hạn đó để chiếm giữ tài sản bất hợp pháp bằng nhiều cách khác nhau với mục đích chính là chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý. Người phạm tội thực hiện hành vi này với lỗi cố ý trực tiếp với mục đích là vụ lợi, xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan của Nhà nước các tổ chức xã hội khác. Tội tham ô tài sản luôn có yếu tố là lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản do chính mình có trách nhiệm quản lý bằng nhiều cách khác nhau.

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của tội tham ô tài sản

Cấu thành tội phạm là cơ sở pháp lý duy nhất và là cơ sở thực tế để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một người thực hiện hành vi chứa đựng các yếu tố cấu thành tội phạm.

Cũng như bất kì loại tội phạm nào, tội tham ô tài sản được cấu thành bởi bốn yếu tố: Khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, mặt chủ thể của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm.

Khách thể của tội tham ô tài sản

Luật hình sự Việt Nam trên cơ sở thừa nhận tính giai cấp của pháp luật nói chung cũng như của luật hình sự nói riêng, khẳng định: “Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ và bị tội phạm xâm hại” [36, tr.78].

Điều 352, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định khái niệm về tội phạm chức vụ là: “Các tội phạm về chức vụ là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ”.

Đối với tội tham ô tài sản thì hiện nay có nhiều ý kiến khác nhau về khách thể của tội phạm này:

- Ý kiến thứ nhất cho rằng: Khách thể trực tiếp của tội tham ô tài sản là quan hệ sở hữu còn khách thể loại là hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức.

- Ý kiến thứ hai cho rằng: Khách thể của tội tham ô tài sản chắc chắn là quyền sở hữu của Nhà nước.

- Ý kiến thứ ba cho rằng: Khách thể của tội tham ô tài sản là hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức và quan hệ sở hữu tài sản [31, tr.25].

Trong ba ý kiến trên theo tác giả thì ý kiến thứ ba “Khách thể của tội tham ô tài sản là hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức và quan hệ sở hữu tài sản” thì đây là quan điểm phù hợp, đầy đủ và cũng là dấu hiệu về khách thể mà Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội tham ô tài sản.

Như vậy ý kiến này có phần đầy đủ khi xác định khách thể của tội tham ô tài sản hơn vì nó bao gồm các hành vi như xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và sở hữu của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội. Vì những lý do sau đây:

- Lý do thứ nhất, tội tham ô tài sản xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Tội tham ô tài sản nằm trong Chương XXIII các tội phạm về chức vụ thuộc Mục 1 các tội phạm tham nhũng như: Tội nhận hối lộ; tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; tội lạm quyền khi thi hành công vụ; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi; tội giả mạo trong công tác làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức.

Theo Điều 2 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định về các cơ quan, tổ chức bao gồm: Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.

Tham ô tài sản gây nguy hiểm nghiêm trọng nhất đến hoạt động đúng đắn và uy tín của các cơ quan, tổ chức đây là khách thể quan trọng và cơ bản để từ đó có thể phân biệt với các tội phạm khác có cùng hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không trực tiếp xâm hại đến các hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Việc xác định chính xác khách thể sẽ góp phần xác định tội danh trong việc điều tra, truy tố và xét xử tội phạm về chức vụ.

- Lý do thứ hai, tội tham ô tài sản xâm hại đến quan hệ sở hữu cơ quan Nhà nước, quan hệ sở hữu. Theo Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì đối tượng tác động là tài sản đặc biệt, tài sản thuộc quyền quản lý hợp pháp của người có chức vụ, quyền hạn. Tính hợp pháp thể hiện ở chỗ quyền năng quản lý đó được quy định trong pháp luật hoặc điều lệ của cơ quan, tổ chức. Người có trách nhiệm quản lý tài sản và lợi dụng trách nhiệm đó để chiếm đoạt tài sản

mình quản lý bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp giá trị chiếm đoạt phải định giá được từ 2.000.000 đồng trở lên thì sẽ cấu thành tội tham ô tài sản. Nếu người chiếm đoạt tài sản không có trách nhiệm quản lý tài sản nhưng lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản của người khác thì sẽ cấu thành tội phạm khác về chức vụ như: Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; tội nhận hối lộ; tội lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...

Tài sản mà người phạm tội chiếm đoạt nếu có giá trị dưới 2.000.000 đồng thì phải thỏa mãn các điều kiện sau đây: Đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm, đã bị kết án một trong các quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Việc “đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm” đó là trường hợp người phạm tội đã có hành vi tham ô trước đó và đã bị xử lý kỷ luật như: Khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương... mà vẫn còn thực hiện hành vi tham ô tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng.

Trường hợp “đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” như vậy đó là trường hợp người phạm tội đã bị Tòa án kết tội về các tội danh sau đây: Tội nhận hối lộ; tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; tội lạm quyền khi thi hành công vụ; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi; tội giả mạo trong công tác. Người phạm tội chưa được xóa án tích về các tội danh nêu trên mà vẫn tiếp tục có hành vi tham ô tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng thì cấu thành về tội tham ô tài sản.

Mặt khách quan của tội tham ô tài sản

Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm do Luật hình sự quy định, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan, có thể nhận thức được bằng các giác quan trực tiếp hay bằng tư duy logic [35, tr.71] bao gồm: Hành vi nguy hiểm cho xã hội,

hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả... Đối với tội tham ô tài sản thì các dấu hiệu thuộc mặt khách quan cũng là những dấu hiệu rất quan trọng để xác định hành vi phạm tội cũng như để phân biệt tội tham ô tài sản với các tội phạm khác.

Hành vi trong mặt khách quan của tội tham ô tài sản trước hết người phạm tội tham ô tài sản phải là người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản làm trái với trách nhiệm được giao, xem chức vụ, quyền hạn được giao như một công cụ, phương tiện để biến tài sản được giao quản lý thành tài sản của riêng cá nhân mình. Đây cũng được xem như là đặc điểm chung của các tội phạm trong nhóm tội phạm về chức vụ. Hành vi chiếm đoạt tài sản là hành vi cố ý chuyển dịch bất hợp pháp tài sản đang thuộc sự quản lý của chủ tài sản thành tài sản của mình và có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: lén lút, bí mật hoặc công khai với các thủ đoạn khác nhau để chiếm đoạt có thể là làm sai lệch hóa đơn, sổ sách, dùng các chứng từ giả, kế toán lập phiếu thu chi... nhằm mục đích chính là chiếm đoạt tài sản.

Do tội tham ô tài sản là tội phạm có cấu thành vật chất vì vậy khi người phạm tội chiếm đoạt được tài sản thì được xem như tội phạm hoàn thành. Để xác định được thời điểm tội phạm hoàn thành còn phụ thuộc vào quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của người phạm tội. Nếu người phạm tội là người được giao làm thủ quỹ thì hành vi lấy tiền trong két ra khỏi két được xem là chiếm đoạt, nếu người phạm tội được giao quyền trong việc quản lý kho thì hành vi đem hàng hóa, tài sản ra khỏi kho được xem là chiếm đoạt...

Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn và hành vi chiếm đoạt tài sản hai hành vi này quan hệ chặt chẽ với nhau. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quản lý tài sản tạo điều kiện cho hành vi chiếm đoạt tài sản mà họ có trách nhiệm quản lý, hai hành vi này phải xảy ra đồng thời thì mới cấu thành

tội tham ô tài sản. Hành vi chiếm đoạt tài sản của người có chức vụ, quyền hạn thực hiện không liên quan đến việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn của họ thì không được coi là tham ô tài sản. Ngược lại hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn xảy ra nhưng người phạm tội không chiếm đoạt tài sản thì đó cũng không phải là tội tham ô tài sản.

Hậu quả của tội phạm trong quá trình định tội

Hậu quả của tội phạm là những thay đổi trong thế giới khách quan do hành vi phạm tội gây ra với các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ. Hậu quả của tội phạm là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm có cấu thành vật chất. Theo luật hình sự Việt Nam: *“Hậu quả của tội phạm là thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra cho những quan hệ xã hội là khách thể bảo vệ của luật hình sự”* [35].

Cũng như hậu quả của các tội phạm khác hậu quả của tội tham ô tài sản là những thiệt hại vật chất hoặc phi vật chất cho xã hội, cụ thể là làm thất thoát nguồn tiền, tài sản của Nhà nước và thiệt hại khác làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức. Theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người nào chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự còn nếu dưới 2.000.000 đồng thì phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

“Đã bị kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm” là trường hợp người phạm tội trước đó có hành vi tham ô tài sản mà đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này và chưa hết thời gian kỷ luật, nay lại có hành vi tham ô tài sản. Thời hạn kỷ luật được quy định tại Thông tư số 03/2006/TT-BNV ngày 08/02/2006 của Bộ nội vụ hướng dẫn về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức quy định tại điểm 8 mục II, nếu trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật về hành vi tham ô mà cán bộ, công chức mà lại có hành vi tham ô tài sản thì được coi là *“đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm”*.

“Đã bị kết án về một trong các quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm” là trường hợp người phạm tội đã bị kết án bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật về một trong các tội sau đây: Tội nhận hối lộ; tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi; tội giả mạo trong công tác; chưa được xóa án tích mà còn tiếp tục có hành vi tham ô tài sản.

Chủ thể của tội tham ô tài sản

Chủ thể của tội phạm là con người cụ thể đã cố ý hoặc vô ý thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được pháp luật hình sự quy định là tội phạm trong tình trạng có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định do luật quy định và trong một số trường hợp khác có dấu hiệu đặc biệt được chỉ ra trong điều luật tương ứng [49, tr.180].

Đối với tội tham ô tài sản thì chủ thể được xác định là chủ thể đặc biệt người có chức vụ, quyền hạn và phải có trách nhiệm quản lý đối với tài sản mà họ chiếm đoạt. Để được xem là chủ thể của tội tham ô tài sản thì phải thỏa mãn hai điều kiện sau: Là người có chức vụ, quyền hạn và là người có trách nhiệm quản lý tài sản. Dấu hiệu về chủ thể đặc biệt sẽ giúp chúng ta xác định hành vi thực hiện có cấu thành tội phạm hay không và giúp xác định đúng tội danh, phân biệt với các tội khác có tính chiếm đoạt. Đây cũng chính là căn cứ quan trọng để nhận diện tội tham ô tài sản trong nhóm các tội phạm cùng lợi dụng chức vụ, quyền hạn.

Tội tham ô tài sản được quy định trong Chương các tội phạm về chức vụ nên chỉ có những người được quy định tại Điều 352 Bộ luật Hình sự năm 2015 mới là chủ thể của tội tham ô tài sản “*Người có chức vụ là do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc*

không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ”.

Người có chức vụ, quyền hạn phải là người có trách nhiệm quản lý tài sản, nếu họ không có trách nhiệm quản lý tài sản thì không thể là chủ thể của tội tham ô tài sản. Đây là điều kiện cần và đủ để một người có thể trở thành chủ thể của tội tham ô tài sản và là dấu hiệu để phân biệt với một số tội phạm khác có tính chất chiếm đoạt.

Như vậy chúng ta cần làm rõ vấn đề về “người có chức vụ, quyền hạn” để có cơ sở xác định chính xác hơn về chủ thể của tội phạm này. Cụ thể hơn theo Khoản 3, Điều 1 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định “người có chức vụ, quyền hạn” bao gồm: Cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của Nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó”.

Theo Từ điển Luật học *“công vụ là công việc mang tính Nhà nước vì lợi ích của xã hội, lợi ích của Nhà nước, lợi ích chính đáng của công dân, có tính chuyên nghiệp, chủ yếu do cán bộ, công chức Nhà nước thực hiện”* [4, tr.190]. Cụ thể tại Điều 2 Luật cán bộ, công chức năm 2008 thì đưa ra khái niệm hoạt động công vụ của cán bộ, công chức *“là việc thực hiện quyền hạn của cán bộ theo quy định của Luật này và các quy định có liên quan”*. Trong Khoản 1 Điều 3 Nghị định 208/2013/NĐ-CP ngày 17/12/2013 của Chính phủ thì *“Người thi hành công vụ là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan, tổ chức hoặc cá*

nhân có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo vệ nhằm phục vụ lợi ích của Nhà nước, nhân dân và xã hội”.

Như vậy công vụ là một loại hoạt động nhân danh quyền lực Nhà nước do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện nhằm mục tiêu phục vụ cho người dân và xã hội chính xác hơn đó là do cán bộ, công chức thực hiện.

Còn “*nhiệm vụ là công việc phải gánh vác vì mục đích nào đó và trong thời gian nhất định*” [52, tr.784]. Trong Bộ luật Hình sự năm 1999 thì chủ thể của tội tham ô chỉ giới hạn trong khu vực của Nhà nước. Kế thừa Bộ luật Hình sự năm 1999, nhà làm luật đã xây dựng Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 mở rộng chủ thể của tội tham ô ra ngoài khu vực Nhà nước cụ thể quy định tại Khoản 6, Điều 353 “Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này”.

Chủ thể của tội tham ô tài sản là do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện. Người có chức vụ, quyền hạn do được bầu cử, tuyển dụng, bổ nhiệm, được giao nhiệm vụ thường xuyên, được phân công theo trình độ đào tạo, ngành chuyên môn, được xếp vào một ngạch hành chính, sự nghiệp trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và phải được giao thực hiện nhiệm vụ đồng thời có hành vi chiếm đoạt tài sản khi thi hành công vụ, nhiệm vụ.

Như vậy, đặc trưng của tội tham ô tài sản về dấu hiệu chủ thể phải là có trách nhiệm quản lý tài sản. Đó là người có trách nhiệm đối với tài sản, là người được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản như: thủ quỹ, thủ kho, kế toán, người được giao vận chuyển tài sản của cơ quan, tổ chức hoặc đơn vị mình... Ngoài ra, còn có những người tuy không được giao trực tiếp quản lý tài sản nhưng lại có trách nhiệm trong việc quyết định thu chi, xuất nhập, mua bán, trao đổi tài sản như: Giám đốc công ty, Chủ nhiệm hợp tác xã, người

đứng đầu trong các cơ quan, tổ chức là chủ tài khoản hoặc là người có quyết định về tài sản của cơ quan, tổ chức của mình...

Tóm lại chủ thể của tội tham ô tài sản là người có chức vụ, quyền hạn đồng thời phải là người có trách nhiệm quản lý đối với tài sản mà họ chiếm đoạt.

Mặt chủ quan của tội tham ô tài sản

Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm lỗi, mục đích và động cơ, trong đó lỗi được phản ánh trong tất cả các cấu thành tội phạm. Tội tham ô tài sản luôn được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, tức là người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là hành vi nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra và không có trường hợp phạm tội tham ô tài sản nào được thực hiện với lỗi cố ý gián tiếp, vì người phạm tội bao giờ cũng mong muốn chiếm đoạt được tài sản.

Theo quy định tại Điều 10 Bộ luật Hình sự năm 2015: “Lỗi cố ý trực tiếp là lỗi của người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra”.

Động cơ và mục đích phạm tội là những dấu hiệu bắt buộc của một hành động cố ý chí, động cơ và mục đích phạm tội là những yếu tố nằm trong nội dung chủ quan của tội phạm. “*Động cơ phạm tội là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội*” [49, tr.212]. Đối với tội tham ô tài sản thì mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội bao giờ cũng có trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt. Khi thực hiện hành vi phạm tội người phạm tội bao giờ cũng có mong muốn biến tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý thành tài sản riêng của mình, động cơ phạm tội là vụ lợi nhằm để thỏa mãn nhu cầu vật chất của cá nhân.

Tội tham ô tài sản là tội phạm có cấu thành vật chất nên mục đích cuối cùng của người phạm tội hướng tới là chiếm đoạt được tài sản và đây là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội tham ô tài sản. Nếu mục đích của người phạm

tội chưa đạt được (chưa chiếm đoạt được tài sản) thì thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

Như vậy người phạm tội đã nhận thức rất rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi nhưng vẫn cố ý thực hiện nên hình phạt chính theo Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì quy định 4 khung hình phạt, theo Khoản 1 thì phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, Khoản 2 phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, Khoản 3 phạt tù từ 15 năm đến 20 năm, Khoản 4 phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Hình phạt bổ sung, người phạm tội còn có thể cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

1.2. Phân biệt tội tham ô tài sản với một số tội phạm khác

1.2.1. Phân biệt tội tham ô tài sản với tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản

Về cơ sở pháp lý thì tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản được quy định tại Chương XXIII - Bộ luật Hình sự năm 2015, thuộc Chương các tội phạm về chức vụ và được quy định tại Điều 355.

Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản và tội tham ô tài sản có chung đặc điểm đó là cả hai tội này đều có chung chủ thể phạm tội là người có chức vụ, quyền hạn (chủ thể đặc biệt), sử dụng chức vụ, quyền hạn như một công cụ để chiếm đoạt tài sản. Xâm hại đến quan hệ sở hữu, hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước.

Điểm khác nhau về đối tượng tác động của tội tham ô thì tài sản bị chiếm đoạt do chính người phạm tội có trách nhiệm quản lý một cách hợp pháp do chức vụ, cương vị công tác đem lại. Còn đối tượng tác động của tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản thì tài sản bị chiếm đoạt do người khác quản lý không phân biệt tài sản đó là của ai.

Khác nhau về mặt khách quan của tội tham ô đó là người phạm tội sử dụng chức vụ như một phương tiện để biến tài sản mình được giao quản lý thành tài sản của cá nhân như: Sử dụng quyền hạn thực hiện không đúng chức trách của mình hoặc làm trái chế độ quản lý tài sản thuộc lĩnh vực công tác của mình với mục đích chiếm đoạt hoặc sử dụng quyền hạn vượt quá giới hạn cho phép nhưng liên quan đến cương vị công tác với mục đích chiếm đoạt tài sản. Còn với đối với tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản thì người phạm tội sử dụng chức vụ như một phương tiện để làm một việc vượt ra ngoài trách nhiệm được giao nhằm chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm của chủ tài sản dựa vào chức vụ, quyền hạn nhằm chiếm đoạt tài sản, tức là nếu không có chức vụ, quyền hạn thì người phạm tội không tạo ra được sự tín nhiệm để chủ tài sản tin và giao tài sản rồi sau khi có tài sản đó trong tay người phạm tội đã chiếm đoạt một phần hay toàn bộ tài sản đó.

1.2.2. Phân biệt tội tham ô tài sản với lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 173, thuộc Chương XVI - Các tội xâm phạm sở hữu Bộ luật Hình sự năm 2015.

Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi khách quan của lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Phương thức thực hiện để đạt được mục đích đó là thủ đoạn gian dối. Thủ đoạn gian dối ở đây được thực hiện bằng các hành vi như đánh lừa chủ sở hữu hoặc người đang quản lý tài sản để lấy lòng tin của người bị hại tùy từng trường hợp khác nhau mà người phạm tội thực hiện các hành vi khác nhau: Chẳng hạn như bằng lời nói dối, giả mạo giấy tờ, giả danh người có chức vụ quyền hạn, giả danh các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội... Tội tham ô tài sản và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản giống nhau về mặt khách quan là đều có dấu hiệu chiếm đoạt.

Điểm khác biệt về chủ thể, chủ thể của tội tham ô tài sản là chủ thể đặc biệt là người có chức vụ, quyền hạn và có trách nhiệm quản lý tài sản bị chiếm đoạt. Còn chủ thể của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chủ thể thường bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và trong đó người phạm tội hoặc là hoàn toàn không liên quan gì đến tài sản hoặc là có liên quan đến tài sản nhưng không có chức vụ, quyền hạn và không có trách nhiệm quản lý đối với tài sản, không có quyền định đoạt, chiếm hữu, sử dụng tài sản bị chiếm đoạt.

Khác nhau về khách thể, tội tham ô tài sản thì người phạm tội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước và cũng xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ chức... Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân.

1.2.3. Phân biệt tội tham ô tài sản với tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản được quy định tại Điều 175 thuộc Chương XVI Các tội xâm phạm sở hữu - Bộ luật Hình sự năm 2015:

“Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản người của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm

đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả.

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng chi trả lại tài sản.”

Mặt chủ quan của cả hai tội này đều là hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, với động cơ vụ lợi và mục đích chính là chiếm đoạt tài sản.

Điểm khác biệt về mặt chủ thể, chủ thể của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là bất kỳ cá nhân nào có hành vi chiếm đoạt tài sản và có đầy đủ các dấu hiệu chủ thể của tội phạm do luật hình sự quy định. Còn đối với chủ thể của tội tham ô tài sản là chủ thể đặc biệt, người phạm tội phải là người có chức vụ, quyền hạn và người đó đang có trách nhiệm quản lý đối với tài sản bị chiếm đoạt. Về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì tình tiết định khung tăng nặng là lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa các cơ quan, tổ chức như một yếu tố thuận lợi để có được tài sản từ chủ sở hữu rồi sau đó chiếm đoạt tài sản.

Về khách thể của tội phạm: Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là xâm phạm đến quan hệ sở hữu được pháp luật bảo vệ bao gồm tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức và tài sản của Nhà nước. Còn đối với tội tham ô tài sản người phạm tội đã xâm phạm đến hoạt động bình thường và đúng đắn của cơ quan tổ chức và xâm phạm tới tài sản của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước theo Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

1.3. Lịch sử phát triển các quy định về tội tham ô tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam

1.3.1. Khái quát quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội tham ô tài sản giai đoạn năm 1945 đến năm 1985

Ngay từ những ngày đầu đất nước được thành lập, các tệ nạn tham nhũng nói chung và tội tham ô tài sản nói riêng gây ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân, gây thiệt hại cho sự phát triển của đất nước làm suy thoái một bộ phận cán bộ Đảng viên. Nhằm xây dựng bộ máy trong sạch, vững mạnh, chống tham ô, lãng phí... Vào ngày 27 tháng 11 năm 1946 Nhà nước ban hành Sắc lệnh 223 quy định xử phạt các hành vi *“tội đưa hối lộ cho công chức, tội công chức nhận hối lộ hoặc biến thủ công quỹ hay của công dân”*. Sắc lệnh này gồm 5 điều, Điều 1 Sắc lệnh quy định: *“Công chức biến thủ công quỹ... bị phạt khổ sai từ 5 năm đến 20 năm và phạt gấp đôi tang vật...biến thủ. Người phạm tội còn có thể bị xử tịch thu nhiều nhất là đến ba phần tư gia sản. Các đồng phạm và tòng phạm cũng bị phạt như trên”*.

Trong quy định trên tuy chưa mô tả dấu hiệu pháp lý đặc trưng của hành vi *“biến thủ công quỹ”* nhưng dấu hiệu tương ứng với tội tham ô tài sản trong Bộ luật Hình sự hiện hành, thể hiện sự nghiêm minh của Nhà nước với quyết tâm làm trong sạch bộ máy chính quyền thời bấy giờ. Sắc lệnh này là văn bản quy phạm pháp luật hình sự đầu tiên của Nhà nước ta quy định về tội phạm chức vụ.

Ngoài ra, trong thời kỳ này còn có các văn bản được ban hành để bảo vệ một số tài sản Nhà nước có ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế, nhà nước ta đã ban hành để bảo vệ tài sản công như Sắc lệnh số 12-SL ngày 12/3/1949 về việc phạt tội ăn cắp, lấy trộm tài sản của nhà binh.

Ngày 21 tháng 10 năm 1970, Nhà nước ta đã ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa tại Khoản 1 Điều 8 quy định: *“Kẻ nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa thì bị phạt tù từ 6 tháng đến 7 năm. Phạm tội trong những trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 5 năm đến 15 năm: Tái phạm nguy hiểm; có tổ chức; có móc*

ngoặc; dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; tham ô tài sản có số lượng lớn hoặc tài sản có giá trị đặc biệt; dùng tài sản tham ô vào việc kinh doanh, bóc lột, đầu cơ, đút lót hoặc vào những việc phạm tội khác. Phạm tội trong trường hợp số tài sản bị xâm phạm rất lớn hoặc có nhiều tình tiết nghiêm trọng hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình”. Pháp lệnh này so với Sắc lệnh 223 thì kỹ thuật lập pháp có phát triển hơn mô tả về các dấu hiệu pháp lý cơ bản, chủ thể của tội phạm này là “người có chức, quyền hạn” và có liên quan đến tài sản xã hội chủ nghĩa, hình phạt không còn cứng nhắc như các quy định trước. Nhưng còn thiếu sót là chưa quy định về giá trị tài sản bị chiếm đoạt cụ thể là bao nhiêu mới cấu thành tội phạm này mà chỉ quy định chung là “tham ô với số lượng lớn hoặc tài sản có giá trị đặc biệt”.

Sau năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước. Ngày 15 tháng 3 năm 1976 Chính phủ lâm thời miền Nam ban hành Sắc lệnh 03-SLT quy định các tội phạm và hình phạt. Theo đó tội tham ô tài sản được quy định tại điểm b Điều 4, tội xâm phạm đến tài sản công cộng “*Phạm tội chiếm đoạt khác như trộm cắp, tham ô... thì bị phạt tù từ sáu tháng đến bảy năm. Trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù đến mười lăm năm. Phạm tội trộm cắp, tham ô... mà tài sản chiếm đoạt rất lớn hoặc có nhiều tình tiết nghiêm trọng hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc bị xử tử hình*”.

So với Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm xã hội chủ nghĩa năm 1970 thì Sắc lệnh 03 chưa thật sự hoàn thiện, không mô tả dấu hiệu pháp lý của tội tham ô tài sản, không quy định cụ thể về các tình tiết tăng nặng và quy định hình phạt bổ sung. Nên ngày 8 tháng 3 năm 1978, TANDTC, VKSNDTC, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên bộ số 61 hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ngày 21/10/1970 trong phạm vi cả nước.

1.3.2. Khái quát quy định Bộ luật Hình sự năm 1985, Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội tham ô tài sản

Năm 1985 Nhà nước ta đã ban hành Bộ luật Hình sự 1985 với sự phát triển của khoa học pháp lý và kỹ thuật lập pháp chặt chẽ hơn thì Bộ luật Hình sự được chia làm 12 chương, 280 điều. Tại Điều 133, Chương các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa: *“Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa mà mình có trách nhiệm trực tiếp quản lý, thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm: Thông đồng với người khác ở trong hoặc ngoài cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội; dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn; tái phạm nguy hiểm. Phạm tội trong các trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình”*.

Như vậy theo Điều 133 đã quy định rõ các dấu hiệu pháp lý cấu thành tội tham ô tài sản: Thứ nhất, chủ thể phải là người có chức vụ, quyền hạn; Thứ hai, phải lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản; Thứ ba, đối tượng chiếm đoạt là tài sản xã hội chủ nghĩa mà mình có trách nhiệm trực tiếp quản lý. Theo đó tội *“tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa”* tăng hình phạt tù tối thiểu bảy tháng lên một năm so với Pháp lệnh trừng phạt, quy định này cần thiết vì để răn đe, trừng phạt tương xứng với tính chất của tội phạm này gây ra cho xã hội lúc bấy giờ. Nhưng tội tham ô tài sản trong Bộ luật Hình sự năm 1985 không đặt ra vấn đề tham ô trong các lĩnh vực ngoài kinh tế xã hội chủ nghĩa, cũng chưa có một văn bản nào hướng dẫn cụ thể như thế nào là phạm tội trong các trường hợp đặc biệt, không định lượng về giá trị tài sản là bao nhiêu mới cấu thành về tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa.

Ngày 10 tháng 5 năm 1997, Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung và tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa được sửa đổi như sau: *“Người nào lợi dụng*

chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ năm triệu đồng đến dưới một trăm triệu đồng hoặc dưới năm triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần hoặc bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm thì bị phạt tù hai năm đến bảy năm”. So với Bộ luật hình sự 1985 thì lần sửa đổi này đã bỏ cụm từ “trực tiếp” trong đoạn “có trách nhiệm trực tiếp quản lý tài sản” thành “người có trách nhiệm quản lý tài sản” ở lần sửa này đã quy định rõ về giá trị của tài sản bị chiếm đoạt, hình phạt tù tăng từ một năm lên hai năm. Như vậy, sự thay đổi chính ở trong lần này thì hình phạt cho tội tham ô được tăng lên, để nâng cao hiệu quả công tác xử lý tội phạm tham nhũng.

Thông tư liên tịch số 01-1998/TTLT của TANDTC, VKSNDTC, Bộ Nội vụ được ban hành nhằm hướng dẫn một số quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự: Nếu hành vi phạm tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa đã thực hiện trước ngày 22-5-1997 thì được áp dụng khoản 1 Điều 133 để không truy cứu trách nhiệm hình sự người thực hiện hành vi tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị dưới năm triệu đồng và không thuộc các trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần hoặc đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm.

Nghị quyết 01-HĐTP ngày 14 tháng 4 năm 1989 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì người nào tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa mà tài sản chiếm đoạt khoảng 5 tấn gạo, 5 tấn xăng, dầu lửa, phân đạm, 10kg thuốc phiện, 5 tạ mì chín, 2 tấn đường trắng loại I, 2 lạng vàng, đối với tiền và các loại tài sản hàng hóa vật tư khác thì quy ra giá trị tương đương năm tấn gạo trở lên thì coi là chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn và bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 133 (phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm). Nếu tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa mà giá trị tài sản chiếm đoạt từ năm triệu đồng đến dưới một trăm triệu đồng và không thuộc một trong các trường hợp

quy định tại khoản 2 của điều luật tương ứng thì chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 điều luật (phạt tù từ một năm đến bảy năm).

Nghị quyết này cũng quy định cụ thể việc áp dụng tình tiết định khung về giá trị tài sản. Nếu chỉ căn cứ vào giá trị tài sản bị chiếm đoạt mà không có tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự và cũng không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 39 Bộ luật Hình sự thì cần áp dụng các khoản tương ứng và xử phạt người phạm tội với mức án tương xứng với giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Tại Điều 133 quy định: xử phạt tù từ hai năm đến năm năm nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ năm triệu đồng đến dưới sáu mươi triệu đồng (khoản 1); xử phạt tù từ năm năm đến bảy năm nếu tài sản chiếm đoạt có giá trị từ sáu mươi triệu đồng đến dưới một trăm triệu đồng (khoản 1); xử phạt tù từ bảy năm đến mười một năm nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ một trăm triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng (khoản 2); xử phạt tù từ mười một năm đến mười lăm năm nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng (khoản 2); xử phạt tù từ mười lăm năm đến mười tám năm nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ ba trăm triệu đồng đến dưới bốn trăm triệu đồng (khoản 3); xử phạt tù từ mười tám năm đến hai mươi năm nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ bốn trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng (khoản 3); xử phạt chung thân nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ năm trăm triệu đồng đến dưới một tỷ đồng (khoản 3); xử phạt tử hình nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ một tỷ đồng trở lên (khoản 3).

Đến năm 1999 thì Bộ luật Hình sự năm 1999 ra đời so với Bộ luật Hình sự năm 1985 đã có sự thay đổi rõ nét. Nếu như trong Bộ luật Hình sự năm 1985 quy định các tội phạm sở hữu được quy định thành hai chương là Chương IV “các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa” và Chương VI “các tội xâm phạm sở hữu của công dân” đến Bộ luật Hình sự năm 1999 thì quy định chung thành một chương, chương XIV “các tội xâm phạm sở hữu”. Bộ luật Hình sự năm

1999 không còn quy định là tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa mà quy định là tội tham ô tài sản, quy định tại Điều 278 “*người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:*

a) Gây hậu quả nghiêm trọng;

b) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;

c) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại mục A Chương này mà còn vi phạm”.

So với Bộ luật Hình 1985, Bộ luật Hình sự 1999 quy định mức giá trị tài sản chiếm đoạt từ năm triệu đồng xuống còn hai triệu đồng thì đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tham ô. Dấu hiệu “*vi phạm nhiều lần hoặc đã bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm*” được sửa đổi lại là “*Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm*”, còn bổ sung thêm dấu hiệu “*Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại mục A Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*”.

Nội dung quy định về tội tham ô tài sản trong Bộ luật Hình sự 1999 đã làm rõ các dấu hiệu pháp lý của tội này về khách thể, chủ thể và các điều kiện chủ quan và khách quan của tội tham ô, tuy nhiên Bộ luật Hình sự 1999 chỉ quy định tội tham ô tài sản đối với lĩnh vực công mà chưa thừa nhận hành vi tham ô trong lĩnh tư.

Để hoàn thiện hơn pháp luật về tội tham ô tài sản trong Bộ luật Hình sự 1999, Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật Phòng, chống tham nhũng (2005), ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng (120/2006 ND-CP), Thông tư số 35/2016/TT-BTC hướng dẫn việc mua sắm tài sản Nhà nước theo phương hướng tập trung, Thông tư số 04/2014/TT-TTCP quy định về nhận định tình hình tham

những và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 78/2013/NĐ-CP về minh bạch tài sản, thu nhập, Nghị định số 59/2013NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng.

Đến Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội Khóa XIII, thì tội tham ô tài sản được quy định tại Điều 353, thuộc Chương XXIII, Các tội phạm chức vụ. Đáp ứng yêu cầu của Hiến pháp năm 2013 *“Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật”*. Bộ luật Hình sự 2015 đã mở rộng nội hàm khái niệm tội phạm chức vụ trong cả khu vực tư (ngoài Nhà nước), cụ thể là mở rộng chủ thể thực hiện tội phạm không chỉ là người có chức vụ khi thực hiện “công vụ” mà còn là người có chức vụ trong khi thực hiện “nhiệm vụ” (tại các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước). Tại khoản 6 Điều 353 quy định *“Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này”*. Quy định này rất phù hợp với tình hình đất nước đang phát triển như hiện nay, đây là một quan điểm đúng đắn và rất phù hợp với Công ước Liên hợp Quốc về phòng, chống tham nhũng (UNCAC) mà nước ta là quốc gia thành viên.

Để đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội, phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng trong tình hình mới, Điều 353 điều chỉnh hợp lý mức giá trị tài sản chiếm đoạt từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng lên thành từ **2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng** (khoản 1); từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng lên thành từ **100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng** (khoản 2); từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng lên thành từ **500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng** (khoản 3); từ 500.000.000 đồng trở lên thành **1.000.000.000 đồng trở lên** (khoản 4).

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng khác” ở khoản 2 bằng:
+ **Gây thiệt hại về tài sản từ 1.000.000.000 đồng đến dưới 3.000.000.000 đồng;**

+ **Ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức.**

Đồng thời bổ sung tình tiết định khung tại khoản 2: **Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.**

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả rất nghiêm trọng khác” ở khoản 3 bằng:

+ **Gây thiệt hại về tài sản từ 3.000.000.000 đồng đến dưới 5.000.000.000 đồng;**

+ **Gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;**

+ **Dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động.**

- Cụ thể hóa tình tiết “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác” ở khoản 4 bằng thiệt hại **gây thiệt hại về tài sản 5.000.000.000 đồng trở lên.**

- Nâng mức phạt tiền là hình phạt phổ sung từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng lên thành **từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng** (khoản 5).

Kết luận Chương 1

Mặc dù có nhiều ý kiến khác nhau về mặt khách thể của tội tham ô tài sản, nhưng có thể nhận thấy tội tham ô tài sản là hành vi trái pháp luật hình sự do người có năng lực trách nhiệm hình sự, có trách nhiệm quản lý tài sản thực hiện bằng việc lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức mà mình có trách nhiệm quản lý thành tài sản của cá nhân mình.

Trong quy định của Bộ luật Hình sự 2015 thì đã quy định chủ thể của tội tham ô tài sản không chỉ là người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan Nhà nước như Bộ luật Hình sự 1999, mà còn mở rộng thêm chủ thể không chỉ trong khu vực Nhà nước mà còn quy định trong các doanh nghiệp ngoài Nhà nước. Việc mở rộng xử lý tội tham ô tài sản ngoài khu vực Nhà nước là rất phù hợp với xu hướng quốc tế và trong giai đoạn đất nước đang phát triển, hội nhập quốc tế như hiện nay.

Qua nghiên cứu về đặc điểm pháp lý của tội tham ô tài sản, đã cho thấy ý nghĩa to lớn về mặt lý luận cũng như thực tiễn về quy định tội danh này trong Bộ luật Hình sự, thể hiện sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật nước ta qua từng giai đoạn lịch sử, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và góp phần ngăn chặn tội phạm này.

Chương 2

ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI THAM Ô TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN

2.1. Khái quát về tình hình xét xử tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An

Trong những năm vừa qua, dưới sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của các cấp ủy Đảng, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham ô tài sản đã được thực hiện rất nghiêm túc, các vụ án tham ô tài sản đã được phát hiện, xử lý kịp thời với những bản án nghiêm minh, đúng pháp luật, rất được dư luận quan tâm và đánh giá cao. Theo số liệu thống kê của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An từ năm 2013 đến hết năm 2017 tình hình tội tham ô tài sản đã xảy ra trên địa bàn của Tỉnh dù các con số này chỉ mang tính tương đối nhưng cũng đã phản ánh được tình trạng tội tham ô tài sản với số lượng các vụ án tăng, giảm hàng năm không đáng kể và có xu hướng giảm về số vụ nhưng các thủ đoạn phạm tội rất tinh vi, xảo quyệt, nguy hiểm cho xã hội, hậu quả thiệt hại ngày càng nghiêm trọng. Trong số 15 vụ án tham ô tài sản bị phát hiện và xử lý trong 5 năm qua, phần lớn là cán bộ, đảng viên công tác ở cấp cơ sở, chưa phát hiện ở cấp cao hơn. Loại tội phạm này diễn ra ở khắp các lĩnh vực, ở nhiều địa phương trong tỉnh, ở nhiều cấp khác nhau. Các đối tượng phạm tội trong các vụ án tham ô tài sản đa phần đều là những người giữ chức vụ, vị trí quan trọng tại cơ quan, đơn vị. Đối tượng phạm tội đa phần là người có chức vụ, quyền hạn trình độ chuyên môn cao có hiểu biết về pháp luật nhất định, nên quá trình tham ô thường rất tinh vi nhằm che đậy sai phạm hoặc đối phó với cơ quan thực thi pháp luật. Vì vậy đa phần tội phạm tham ô diễn ra trong thời gian dài mới bị

phát hiện và xử lý. Tội tham ô tài sản là loại tội phạm gây ra thiệt hại về kinh tế làm thất thoát tài sản, tiền bạc cho các cơ quan, tổ chức bên cạnh đó còn gây mất lòng tin của nhân dân vào chính quyền [xem Bảng 2.1].

Qua số liệu thống kê cho thấy tội tham ô tài sản là tội đứng đầu trong bảng so với những tội phạm về tham nhũng khác, con số tỷ lệ chiếm 53.5%, đặc biệt là năm 2013 chiếm tới 80% so với tổng số vụ và trên 66% so với tổng số bị cáo phạm tội tham nhũng khác.

Theo số liệu thống kê của Phòng Thống kê tội phạm Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An từ năm 2013 đến hết năm 2017 xảy ra 15 vụ án tham ô tài sản với 16 bị cáo trên tổng số 28 vụ án về tham nhũng với 33 bị cáo, chiếm tỷ lệ 53.5% về số vụ và 48.4% về số bị cáo.

Năm 2013, Tòa án hai cấp đã xét xử 4 vụ án tham ô tài sản trên tổng số 5 vụ án tham nhũng (80%) và 4 bị cáo về tội tham ô tài sản trên tổng số 6 bị cáo về tội tham nhũng (66.6%).

Năm 2014, Tòa án hai cấp đã xét xử 3 vụ án tham ô tài sản trên tổng số 8 vụ án về tội tham nhũng (37.5%) và 3 bị cáo về tội tham ô tài sản trên tổng số 10 bị cáo về tội tham nhũng (30%).

Năm 2015, Tòa án hai cấp đã xét xử 5 vụ án tham ô tài sản trên tổng số 8 vụ án về tội tham nhũng (62.5%) và 6 bị cáo về tội tham ô tài sản trên tổng số 10 bị cáo về tội tham nhũng (60%).

Năm 2016, Tòa án hai cấp đã xét xử 1 vụ án tham ô tài sản trên tổng số 2 vụ án về tội tham nhũng (50%) và 1 bị cáo về tội tham ô tài sản trên tổng số 2 bị cáo về tội tham nhũng (50%).

Năm 2017, Tòa án hai cấp đã xét xử 2 vụ án tham ô tài sản trên tổng số 5 vụ án về tội tham nhũng (40%) và 2 bị cáo về tội tham ô tài sản trên tổng số 5 bị cáo về tội tham nhũng (40%) [xem Biểu đồ 2.1].

Một số vụ án lớn, trọng điểm có tính chất nghiêm trọng và phức tạp gây hậu quả rất lớn được các cơ quan bảo vệ pháp luật phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử trong thời gian vừa qua:

1. Vụ “*Huỳnh Duy Thanh - phạm tội tham ô tham tài sản của cơ quan*”:
Ngày 01/8/2010, Huỳnh Duy Thanh được Công an tỉnh Long An tuyển dụng vào ngành, phân công công tác tại Phòng Hậu cần - Kỹ thuật. Ngày 12/5/2014, Thanh được điều động về công tác tại Công an huyện Bến Lức, làm nhiệm vụ tham mưu tổng hợp kiêm kế toán đơn vị. Nhiệm vụ chính là kế toán thu chi và quyết toán. Trong thời gian làm kế toán thu chi tại Công an huyện Bến Lức, Thanh đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền 2.380.791.940 đồng. Ngày 20/11/2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Huỳnh Duy Thanh về tội tham ô tài sản. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2016/HSST ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, xử phạt Huỳnh Duy Thanh 18 năm tù.

2. Vụ “*Bùi Văn Liêm - Thủ quỹ của Nhà máy Vật liệu xây dựng Tuynel Đức Hòa, Chi nhánh của Công ty IDICO Long An phạm tội tham ô tài sản*”.
Trong thời gian làm thủ quỹ của nhà máy từ năm 2008 đến năm 2011, Liêm đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình chiếm đoạt số tiền 456.256.178 đồng. Ngày 11/6/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Bùi Văn Liêm về tội danh tham ô tài sản. Tại bản án số 04/2015/HSST ngày 20/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An: Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 278, điểm b, p, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt Bùi Văn Liêm 10 năm tù.

Có thể thấy công tác điều tra, truy tố và xét xử về tội tham ô tài sản của tỉnh Long An vừa qua đã được thực hiện khá tốt. Các vụ án về tham ô tài sản đã được phát hiện, điều tra, truy tố xử lý kịp thời được các ban ngành, các cấp lãnh đạo của Tỉnh đánh giá cao. Qua đó thể hiện được sự nghiêm minh của

pháp luật đối với tội phạm và cũng góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội củng cố niềm tin của nhân dân vào bộ máy chính quyền.

2.2. Thực tiễn định tội danh đối với tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An

2.2.1. Khái quát lý luận về định tội danh

Quá trình áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự được hiểu là quá trình diễn ra phức tạp và đa dạng, được thể hiện qua ba giai đoạn: Định tội danh, định khung hình phạt, quyết định hình phạt. Trong đó định tội danh là một giai đoạn quan trọng nhất trong ba giai đoạn trên.

Định tội danh là giai đoạn có ý nghĩa quan trọng, là tiền đề cho việc xác định khung hình phạt, quyết định khung hình phạt chính xác, bảo đảm việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không xử oan sai người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Theo quan điểm của GS.TS Võ Khánh Vinh: Định tội danh là một dạng hoạt động nhận thức, hoạt động áp dụng pháp luật hình sự nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện, nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định cấu thành tội phạm tương ứng và mối liên hệ tương đồng giữa các dấu hiệu của cấu thành tội phạm với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định [48, tr.26].

Định tội danh là sự xác nhận về mặt pháp lý sự phù hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được hiện thực khách quan với các dấu hiệu trong cấu thành tội phạm tương ứng được quy định trong Bộ luật Hình sự. Trong đó, điều luật về tội phạm đã chứa đựng những dấu hiệu đặc trưng, bắt buộc không thể thiếu của một tội phạm cụ thể. Tất cả các dấu hiệu đó được lập thành một hệ thống liên quan chặt chẽ với nhau và trở thành một khuôn mẫu

pháp lý làm cơ sở cho người tiến hành tố tụng đối chiếu, so sánh với các dấu hiệu của một hành vi nguy hiểm cho xã hội xảy ra ngoài thế giới khách quan.

Như vậy, có thể hiểu: *Định tội danh là một quá trình logic nhất định, là một dạng của hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự do các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện, là tiền đề cho sự phân hóa trách nhiệm hình sự và cụ thể hóa hình phạt một cách khách quan chính xác nhất, là việc đánh giá nhất định về mặt pháp lý đối với một hành vi phạm tội cụ thể để xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu cấu thành tội phạm nhất định với các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội thực hiện trên thực tế tương ứng với cấu thành tội phạm do Bộ luật Hình sự quy định để từ đó định tội danh một cách chính xác nhất.*

Định tội danh gồm các quá trình sau:

- Xác định đầy đủ, chính xác, khách quan các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện trên thực tế. Quá trình này bao gồm các hoạt động chứng minh và các biện pháp tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nhận thức đúng đắn quy định của Bộ luật Hình sự và cấu thành tội phạm tương ứng bao gồm các yếu tố chủ quan và khách quan của tội phạm.

- Xác định phù hợp giữa hành vi phạm tội cụ thể được thực hiện và cấu thành tội phạm tương ứng.

Định tội danh đúng là một trong những căn cứ để áp dụng chính xác các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về tạm giữ, tạm giam về thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử qua đó góp phần cho việc bảo vệ các quyền tự do, dân chủ, quyền công dân, quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự, loại trừ việc kết án vô căn cứ những người có hành vi nguy hiểm cho xã hội, không trái pháp luật hình sự và tạo tiền đề pháp lý cho quyết định hình phạt công bằng đối với những người phạm tội.

2.2.2. Định tội danh theo cấu thành tội phạm cơ bản về tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An

Cũng giống như cấu thành các tội phạm khác trong Bộ luật Hình sự, thì cấu thành tội tham ô tài sản cũng được cấu thành bởi các yếu tố sau: Khách thể của tội phạm; mặt khách quan của tội phạm; mặt chủ quan của tội phạm; chủ thể của tội phạm.

2.2.2.1. Định tội danh theo khách thể của tội tham ô tài sản

Như đã phân tích ở trên, khách thể của tội tham ô tài sản là xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức và xâm phạm đến quan hệ sở hữu.

Khách thể mà tội tham ô tài sản xâm phạm đến đó là hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức xã hội sau đó mới đến quan hệ sở hữu đó tài sản, tiền bạc, vật chất... Khách thể của tội tham ô tồn tại không phụ thuộc vào chủ thể của tội phạm này nhưng chúng có mối quan hệ tác động qua lại khấn khít với nhau.

Tham ô tài sản gây nguy hiểm nghiêm trọng nhất đến hoạt động đúng đắn và uy tín của các cơ quan, tổ chức đây là khách thể quan trọng và cơ bản để từ đó có thể phân biệt với các tội phạm khác có cùng hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không trực tiếp xâm hại đến các hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ chức. Đối tượng tác động chính của tội phạm chính là tài sản mà người có chức vụ, quyền hạn đang trực tiếp quản lý và thông qua việc tác động đến tài sản này người phạm tội mới có thể xâm phạm đến khách thể của tội phạm đó là hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Việc xác định chính xác khách thể sẽ góp phần xác định tội danh trong việc điều tra, truy tố và xét xử tội phạm về chức vụ.

Đối tượng tác động của tội tham ô tài sản là tài sản đặc biệt, tài sản thuộc quyền quản lý hợp pháp của người có chức vụ, quyền hạn. Tính hợp pháp thể hiện ở chỗ quyền năng quản lý đó được quy định trong pháp luật hoặc điều lệ của cơ quan, tổ chức. Người có trách nhiệm quản lý tài sản và lợi dụng trách

nhiệm đó để chiếm đoạt tài sản mình quản lý bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp giá trị chiếm đoạt phải định giá được từ 2.000.000 đồng trở lên thì sẽ cấu thành tội tham ô tài sản. Nếu người chiếm đoạt tài sản không có trách nhiệm quản lý tài sản nhưng lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản của người khác thì sẽ cấu thành tội phạm khác về chức vụ như: Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; Tội nhận hối lộ; Tội lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...

Vụ án thực tế sau đây là ví dụ điển hình: “*Lê Minh Trung lập phiếu khống chiếm đoạt 100 triệu đồng*”. Lê Minh Trung là thành viên của Chương trình Bảo đảm chất lượng giáo dục trường học giai đoạn 2010-2015 do Chính phủ Việt Nam ký kết với Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA) thuộc Ngân hàng Thế giới (WB) theo Hiệp định tài trợ số 4608-VN, ngày 21/8/2009 (gọi tắt là Chương trình SEQAP), vừa là chuyên viên phụ trách chuyên môn cấp tiểu học của Phòng GD&ĐT nên được Phó Trưởng ban Quản lý Chương trình SEQAP, Trưởng phòng GD&ĐT huyện Thủ Thừa - Lâm Minh Tấn trực tiếp phân công Trung đi tập huấn Chương trình SEAQAP ở Trung ương và Tỉnh.

Khi tập huấn về, Trung được phân công chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và lên lịch tập huấn, tham mưu ông Lâm Minh Tấn ký công văn gửi các trường tiểu học, triệu tập các cán bộ quản lý, giáo viên các trường tiểu học về tập huấn lại. Lê Minh Trung lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi được giao nhiệm vụ, lập khống các chứng từ quyết toán không đúng thực tế trình Trưởng phòng GD&ĐT – Lâm Minh Tấn ký duyệt. Sau đó, Trung cùng thủ quỹ đến Kho bạc Nhà nước huyện làm các thủ tục quyết toán, nhận tiền và giữ toàn bộ số tiền quyết toán được để chi về các trường có cán bộ quản lý, giáo viên tham gia tập huấn theo thời gian học thực tập, chiếm đoạt số tiền 66.180.000 đồng.

Ngoài ra, Trung còn sử dụng các hóa đơn, chứng từ nâng khống giá trị so với thực tế để chiếm đoạt các khoản: Tiền nước uống, photo tài liệu, thuê người giữ xe, dọn vệ sinh là 35.230.550 đồng. Tổng cộng qua 4 lần tập huấn Chương trình SEQAP, Lê Minh Trung đã chiếm đoạt số tiền 101.410.550 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đã đưa ra xét xử bị cáo Lê Minh Trung về tội “Tham ô tài sản”, Hội đồng xét xử nhận định “Lê Minh Trung trong quá trình phân công chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và lên lịch tập huấn lại cho các giáo viên trường tiểu học, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền 101.410.550 đồng. Hành vi của Lê Minh Trung đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” được quy định tại khoản Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999”.

Theo quan điểm của tác giả việc nhận định của hội đồng xét xử trong vụ án trên cho thấy việc xác định khách thể trong vụ án tham ô chỉ chú trọng về tài sản chiếm đoạt mà không làm rõ được tính chất hành vi là đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đây mới chính là khách thể mà luật hình sự bảo vệ đối với các tội phạm về chức vụ.

2.2.2.2. Định tội danh theo mặt khách quan của tội tham ô tài sản

Mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện ra bên ngoài của tội phạm bao gồm: Hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả... Đối với tội tham ô tài sản thì các dấu hiệu thuộc mặt khách quan cũng là dấu hiệu rất quan trọng để xác định hành vi phạm tội cũng như để phân biệt tội tham ô tài sản với các tội phạm khác.

Hành vi trong mặt khách quan của tội tham ô tài sản trước hết, người phạm tội tham ô tài sản phải là người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản làm trái với trách nhiệm được giao, xem chức vụ, quyền hạn được giao như một công cụ, phương tiện để biến tài sản được giao quản lý thành tài sản của riêng cá nhân mình.

Hành vi chiếm đoạt tài sản là hành vi cố ý chuyển dịch bất hợp pháp tài sản đang thuộc sự quản lý của chủ tài sản thành tài sản của mình và có thể biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: Lén lút, bí mật hoặc công khai với các thủ đoạn khác nhau để chiếm đoạt có thể là làm sai lệch hóa đơn, sổ sách, dùng các chứng từ giả, kế toán lập phiếu thu chi... nhằm mục đích chính là chiếm đoạt tài sản. Do tội tham ô tài sản là tội phạm có cấu thành vật chất vì vậy khi người phạm tội chiếm đoạt được tài sản thì được xem như tội phạm hoàn thành. Để xác định được thời điểm tội phạm hoàn thành còn phụ thuộc vào quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của người phạm tội. Nếu người phạm tội là người được giao làm thủ quỹ thì hành vi lấy tiền trong két ra khỏi két được xem là chiếm đoạt, nếu người phạm tội được giao quyền trong việc quản lý kho thì hành vi đem hàng hóa, tài sản ra khỏi kho được xem là chiếm đoạt.

Ví dụ điển hình trong vụ án của Đoàn Thị Út trong quá trình công tác tại Trường THPT Thanh Hóa. Ngày 02/8/2010 Ban giám hiệu Trường THPT Thanh Hóa ký quyết định số: 01/QĐ-THPT “về việc thành lập tổ thu học phí năm học 2010-2011”. Trong đó Đoàn Thị Út là thành viên tổ thu học phí, với nhiệm vụ: “Tổng kết danh sách đóng tiền học phí đối chiếu số tiền trong danh sách với số tiền đã ghi biên lai và là thủ quỹ. Quyết toán biên lai với Chi Cục thuế”. Với nhiệm vụ trên Đoàn Thị Út cùng với cô Phùng Thị Hoa cùng là thành viên tổ thu học phí, chia nhau tất cả các lớp của toàn Trường để thu học phí. Đoàn Thị Út trực tiếp thu học phí học sinh năm học 2010-2011 ở 16 lớp của trường THPT Thanh Hóa. Trong quá trình thu học phí ở mỗi lớp học thì Út lập một danh sách viết tay thể hiện tên học sinh, lớp và số tiền đã đóng học phí năm học 2010-2011. Khi học sinh đến đóng học phí năm học năm 2010-2011 thì Út viết ra một phiếu thu tạm giao cho học sinh. Đồng thời ghi tên học sinh này vào danh sách viết tay nêu trên. Theo quy định đến cuối kỳ thu học phí vào tháng 01/2011 Út phải tổng hợp số học sinh của các khối lớp đã

đóng tiền để báo cáo Ban giám hiệu, ra bên lai của Chi Cục thuế và nộp tiền vào Kho Bạc nhà nước. Trong quá trình tổng hợp từ danh sách của 16 lớp mà Út đã viết tay thành 03 danh sách theo khối lớp 10, 11 và 12. Trong quá trình sao chép Út đã cố ý bỏ ra ngoài danh sách 102 học sinh đã nộp tiền học phí năm 2010-2011 để chiếm đoạt số tiền 46.380.000 đồng. Trong quá trình điều tra đã chứng minh được ngoài số tiền chiếm đoạt 102 học sinh, năm học 2010-2011 Út còn ra biên lai thu tạm của 09 học sinh nhưng Út không ghi vào danh sách tạm thu và cũng không đưa vào danh sách báo cáo Ban giám hiệu trường, không ra biên lai thu do Chi Cục thuế phát hành và không nộp tiền vào Kho Bạc. Như vậy Út có thu tiền nhưng bỏ ngoài số 09 học sinh đã chiếm đoạt với số tiền là 2.190.000 đồng. Ngoài ra trong thời gian làm kế toán của trường THPT Thanh Hóa. Ngày 01/9/2010 trường THPT Thanh Hóa ký hợp đồng bảo hiểm y tế học sinh với Bảo hiểm xã hội huyện Thanh hóa. Sau khi ký hợp đồng thì có 1.230 học sinh của trường tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện với tổng số tiền đã nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Thanh Hóa là 226.270.800 đồng. Theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì trường THPT được bảo hiểm xã hội huyện trích 2% hoa hồng chi cho đại lý bảo hiểm. Ngày 10/11/2010, bà Lê Thị Thu Oanh hiệu trưởng trường THPT Thanh Hóa ký giấy giới thiệu cho Đoàn Thị Út nhận tiền 2% hoa hồng bảo hiểm y tế học sinh năm học 2010-2011 cho trường THPT Thanh Hóa. Cùng ngày Đoàn Thị Út đến Bảo hiểm xã hội huyện Thanh Hóa lập thủ tục và ký nhận 2% số tiền hoa hồng cho trường với số tiền là 4.525.416 đồng. Sau đó, do Út nảy ý định chiếm đoạt số tiền 4.525.416 đồng nêu trên nên Út đã không báo cáo cho Ban giám hiệu nhà trường và không nộp số tiền này vào quỹ của trường THPT Thanh Hóa, Út giữ và chi xài cá nhân hết số tiền nêu trên.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa đưa bị cáo Đoàn Thị Út ra xét xử với tội danh “Tham ô tài sản”, Trong quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã nhận

định Đoàn Thị Út là kế toán trưởng THPT Thanh Hóa, trong quá trình được phân công thực hiện chức năng nhiệm vụ Út đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt số tiền học phí năm học 2010-2011 của 111 học sinh và tiền hoa hồng 2% từ bảo hiểm xã hội huyện Thanh Hóa chi cho trường THPT Thanh Hóa năm học 2010-2011. Tổng số tiền mà Út chiếm đoạt là 50.095.416 đồng. Hành vi của Đoàn Thị Út là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Nó không những xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ chức, mà còn gây mất uy tín của cơ quan, tổ chức. Hành vi đó đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 278 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Nhận xét của Hội đồng xét xử về vụ án nêu trên hoàn toàn phù hợp về mặt khách quan của tội tham ô tài sản. Trong trường hợp này thì bị cáo Đoàn Thị Út đã thỏa mãn đầy đủ dấu hiệu về mặt khách quan của tội tham ô tài sản đó là việc bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình trong quá trình công tác tại trường THPT Thanh Hóa để chiếm đoạt tài sản của nhà trường.

2.2.2.3. Định tội danh theo mặt chủ quan của tội tham ô tài sản

Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm lỗi, mục đích và động cơ, trong đó lỗi được phản ánh trong tất cả các cấu thành tội phạm. Tội tham ô tài sản luôn thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, tức là người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là hành vi nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả của hành vi đó.

Đối với tội tham ô tài sản thì mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội bao giờ cũng có trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt. Khi thực hiện hành vi phạm tội người phạm tội bao giờ cũng có mong muốn biến tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý thành tài sản riêng của mình, động cơ phạm tội là vụ lợi nhằm để thỏa mãn nhu cầu vật chất của cá nhân.

Tội tham ô tài sản là tội phạm có cấu thành vật chất nên mục đích cuối cùng của người phạm tội hướng tới là chiếm đoạt được tài sản và đây là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội tham ô tài sản. Nếu mục đích của người phạm

tội chưa đạt được (chưa chiếm đoạt được tài sản) thì thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

Thực tiễn các vụ án truy tố và xét xử tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2013 đến hết 2017 cho thấy lỗi của người phạm tội đều là lỗi cố ý trực tiếp.

Ví dụ điển hình: Bùi Thị Thanh Xuân (tên thường dùng Bùi Hồng Phượng) khoảng tháng 5 năm 1990, Xuân vào công tác tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ninh, huyện Tân Thạnh: Được giao nhiệm vụ quản lý chăm sóc các gia đình chính sách, nhận tiền và chi trả tiền trợ cấp thường xuyên cho các gia đình chính sách, Xuân đã lợi dụng sự thiếu kiểm tra của các cấp có thẩm quyền đã lập danh sách những người đã mất (chết) để nhận tiền và quyết toán không tiền trợ cấp hàng tháng tại Phòng Lao Động Thương Binh và Xã hội huyện Tân Thạnh cho 27 người với 30 trường hợp.

Tại bản Cáo trạng số: 20/QĐ-KSD ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố về hành vi của Bùi Thị Thanh Xuân phạm tội “Tham ô tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo Bùi Thị Thanh Xuân đã lợi dụng nhiệm vụ được giao đã thực hiện hành vi gian dối bằng hành động giữ nguyên tên người chết trong danh người được hưởng trợ cấp đã được cấp có thẩm quyền duyệt, lẽ ra Xuân báo cáo để lập thủ tục cắt chế độ khi đối tượng chính sách chết, bị cáo báo cho thân nhân của các đối tượng chính sách biết là đã cắt việc cấp tiền, nhưng bị cáo vẫn tiếp tục lập danh sách của những người này để nhận tiền, tự ý ký tên không để quyết toán trót lọt. Liên tục, lập đi lập lại nhiều lần trong đó có 51 lần chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000 đồng tổng số chiếm đoạt tài sản của Nhà nước với số tiền 172.707.010 đồng. Như vậy, trong vụ án tham ô tài sản nêu trên, về mặt lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp trong khi thực hiện hành vi phạm tội đến

cùng. Nhận thức được hành vi của mình là hành vi nguy hiểm cho xã hội đó là chiếm đoạt tài sản của Nhà nước gây ra hậu quả nghiêm trọng.

2.2.2.4. Định tội danh theo chủ thể của tội tham ô tài sản

Chủ thể của tội phạm là một khái niệm được luật hình sự đặc biệt quan tâm. Việc nghiên cứu vấn đề này một cách đúng đắn và toàn diện gắn với việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một người, chẳng hạn đối với việc định tội danh một hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Đối với tội tham ô tài sản thì chủ thể được xác định là chủ thể đặc biệt người có chức vụ, quyền hạn và phải có trách nhiệm quản lý đối với tài sản mà họ chiếm đoạt. Để được xem là chủ thể của tội tham ô tài sản thì phải thỏa mãn hai điều kiện sau: Là người có chức vụ, quyền hạn và là người có trách nhiệm quản lý tài sản. Dấu hiệu về chủ thể đặc biệt sẽ giúp chúng ta xác định hành vi thực hiện có cấu thành tội phạm hay không và giúp xác định đúng tội danh, phân biệt với các tội khác có tính chiếm đoạt. Đây cũng chính là căn cứ quan trọng để nhận diện tội tham ô tài sản trong nhóm các tội phạm cùng lợi dụng chức vụ, quyền hạn.

Người có chức vụ, quyền hạn phải là người có trách nhiệm quản lý tài sản, nếu họ không có trách nhiệm quản lý tài sản thì không thể là chủ thể của tội tham ô tài sản. Đây là điều kiện cần và đủ để một người có thể trở thành chủ thể của tội tham ô tài sản và là dấu hiệu để phân biệt với một số tội phạm khác có tính chất chiếm đoạt.

Chủ thể của tội tham ô tài sản là do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện. Người có chức vụ, quyền hạn do được bầu cử, tuyển dụng, bổ nhiệm, được giao nhiệm vụ thường xuyên, được phân công theo trình độ đào tạo, ngành chuyên môn, được xếp vào một ngạch hành chính, sự nghiệp trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và phải được giao thực hiện nhiệm vụ đồng thời có hành vi chiếm đoạt tài sản khi thi hành công vụ.

Đặc trưng của tội tham ô tài sản về dấu hiệu chủ thể phải là người có trách nhiệm quản lý tài sản. Tuy nhiên, từ đó cũng phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau về phạm vi chủ thể, xuất phát từ khái niệm người có trách nhiệm quản lý tài sản là rất rộng, rất khó xác định được giới hạn của người có trách nhiệm quản lý tài sản đến đâu để xác định có phải là chủ thể của tội tham ô tài sản hay không? Việc xác định trách nhiệm của một người đối với tài sản là rất quan trọng, nếu xác định không đúng tư cách của người có trách nhiệm đối với tài sản mà họ chiếm đoạt thì dễ nhầm lẫn với các tội phạm có tính chất chiếm đoạt khác được quy định trong Bộ luật Hình sự như: Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...

Ví dụ là vụ “ Lê Nguyễn Minh Thư, phạm tội tham tài sản”. Lê Nguyễn Minh Thư là kế toán trưởng Tiểu học Trương Công Xương, thông qua việc mua sắm hàng hóa, Thư biết được số tài khoản của các cửa hàng, đại lý, tiệm tạp hóa trên địa bàn huyện Đức Hòa và các địa bàn lân cận, Thư làm giả chứng từ chi chuyển khoản thanh toán; làm giả chứng từ chi chuyển khoản số tiền lớn hơn số tiền cần thanh toán, sau khi được Kho bạc huyện Đức Hòa duyệt chi vào chuyển khoản, Thư điện thoại báo các đại lý, cửa hàng, tiệm tạp hóa là chuyển tiền dư hoặc chuyển nhầm, nhờ rút tiền mặt gửi lại cho nhà trường, nhưng thực tế là để Thư chiếm đoạt. Thư mua hóa đơn chuyển khoản yêu cầu rút tiền mặt trả lại sau khi đã trừ tiền hóa đơn; làm giả chứng từ thanh toán tiền công tác phí cho bản thân. Ngoài ra Thư còn bàn bạc kêu chồng là Võ Quốc Việt mở thẻ ATM với mục đích là để Thư chuyển tiền vào thẻ, sau đó rút tiền mặt tiêu xài cá nhân. Với mục đích thủ đoạn trên từ tháng 02/2012 đến tháng 8/2013, Lê Nguyễn Minh Thư rút ra khỏi Kho bạc huyện Đức Hòa bằng 124 giấy rút dự toán ngân sách giả và 13 giấy ủy nhiệm chi giả cùng với

chứng từ chi giả kèm theo tổng cộng số tiền là 749.726.500 đồng, Thư chiếm đoạt số tiền này.

Bản án hình sự sơ thẩm số 08, ngày 26/01/2015, Tòa án nhân tỉnh Long An áp dụng điểm a khoản 4 Điều 278; Điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt Lê Nguyễn Minh Thư 15 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt Võ Quốc Việt 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm.

Theo quan điểm của tác giả việc Tòa án xử bị cáo Võ Quốc Việt về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là chưa đúng về mặt chủ thể của tội phạm tham ô tài sản. Tuy Việt không phải là người có chức vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 về tội phạm có chức vụ. Nhưng Việt là đồng phạm với Lê Nguyễn Minh Thư với vai trò là người giúp sức, bởi vì thời điểm mà Võ Quốc Việt và vợ là Lê Nguyễn Minh Thư bàn bạc với nhau để mở thẻ ATM để Thư chuyển tiền mà Thư đã chiếm đoạt của trường Tiểu học Trương Công Xương thì Việt đã cấu thành tội tham ô tài sản với vai trò là người giúp sức. Thiết nghĩ Tòa án phải xử lý Võ Quốc Việt tội danh tham ô tài sản với vai trò là người giúp sức chứ không phải là tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999). Với tội danh tham ô tài sản thì hành vi phạm tội của Võ Quốc Việt sẽ rơi vào khoản 1 Điều 278 Bộ luật Hình sự năm 1999 với mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm tù, thì sẽ đủ sức răn đe hơn.

2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An

2.3.1. *Khái quát lý luận về quyết định hình phạt*

2.3.1.1. *Khái niệm và ý nghĩa của quyết định hình phạt*

Quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn cơ bản, một nội dung vô cùng quan trọng của quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Quyết định hình phạt là hoạt động nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự là giai đoạn cuối cùng của pháp luật hình sự, do Tòa án có thẩm quyền nhân danh Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự tuyên bố áp dụng hình phạt đối với người phạm tội nhằm mục đích tước bỏ hoặc hạn chế quyền, tự do của người bị kết án.

Tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể để quyết định khung hình phạt, loại hình phạt, mức hình phạt cụ thể trong phạm vi giới hạn của khung hình phạt do luật quy định áp dụng cho người phạm tội, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội hoặc miễn hình phạt cho người phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Quyết định hình phạt có vai trò vô cùng to lớn, bởi suy cho cùng, các hoạt động tố tụng hình sự trước đó sẽ không có nhiều ý nghĩa nếu Tòa án không làm tốt việc quyết định hình phạt. Quyết định hình phạt đúng pháp luật, công bằng và hợp lý là tiền đề, điều kiện để đạt mục đích hình phạt. Nếu hình phạt quá nhẹ sẽ làm giảm tính răn đe và phòng ngừa tội phạm, bởi nó có thể làm phát sinh ý định phạm tội, thái độ vô trách nhiệm và coi thường pháp luật. Nhưng hình phạt quá nặng sẽ tạo tâm lý không công bằng, không hợp lý ở người bị kết án dẫn đến thái độ oán hận, không tin tưởng pháp luật.

Ý nghĩa của việc quyết định hình phạt: Quyết định hình phạt là một hoạt động tố tụng hình sự, thể hiện việc Tòa án tuân thủ các quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên một hình phạt đảm bảo tính công minh, có căn cứ và đúng pháp luật đối với người phạm tội bị kết án. Qua đó để củng cố pháp chế, góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội, nâng cao ý thức đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

2.3.1.2. Các căn cứ quyết định hình phạt

Các căn cứ quyết định hình phạt là những đòi hỏi cơ bản có tính nguyên tắc do Luật hình sự quy định hoặc do giải thích pháp luật mà có buộc Tòa án phải tuân thủ khi quyết định hình phạt đối với người thực hiện tội phạm [49, tr.395].

Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015) quy định:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định thêm: Khi quyết định áp dụng hình phạt tiền, ngoài căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của người phạm tội.

a) Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự

- Xác định hình phạt
- Xác định khung hình phạt cần áp dụng
- Xác định mức hình phạt cần áp dụng

b) Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội

Tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi tội phạm được hiểu là tính nguy hiểm của tất cả các tội phạm cùng loại so với các loại tội phạm khác. Khi quy định hình phạt thì Tòa án phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội để xác định khung hình phạt cho tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.

c) Căn cứ nhân thân người phạm tội

Đây được hiểu là tổng hợp những đặc điểm riêng biệt của người phạm tội có ý nghĩa đối với việc giải quyết đúng đắn về trách nhiệm hình sự của họ. Những đặc điểm như nghề nghiệp, trình độ văn hóa - xã hội, hoàn cảnh gia

đình, tiền án, tiền sự, là người chưa thành niên hay là người đã thành niên, ý thức pháp luật, hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội...

d) Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 46 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 51, 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, khi quyết định hình phạt Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự mà cân nhắc các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội.

Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết làm cho các trường hợp phạm tội cụ thể của một tội phạm khác nhau về mức độ nguy hiểm cho xã hội. Các tình tiết này không có tính chất bắt buộc như những tình tiết định tội và định khung mà chỉ có ý nghĩa khi quyết định hình phạt, có tác dụng làm tăng hoặc giảm hình phạt trong phạm vi một khung hình phạt nhất định. Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là căn cứ độc lập bên cạnh các căn cứ khác nhằm mục đích buộc Tòa án khi quyết định hình phạt phải cân nhắc đến các tình tiết này (nếu có) trong mối quan hệ với toàn bộ nội dung của vụ án để giúp cho việc vận dụng các quy định của pháp luật được toàn diện và chính xác hơn.

2.3.2. Quyết định hình phạt đối với tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An

Theo số liệu thống kê kê từ năm 2013 đến hết năm 2017 thì Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Long An đã ra quyết định hình phạt đối với tội tham ô tài sản [xem Bảng 2.2].

Theo thống kê trong 5 năm qua, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã đưa ra xét xử một số vụ án tham ô tài sản và quyết định hình phạt theo đúng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho hành vi tội phạm này gây ra. Trong tổng số 15

vụ án tham ô tài sản với 16 bị cáo mà Tòa án nhân dân hai cấp đã xét xử sơ thẩm và phúc thẩm thì trong đó:

- Mức án từ 7 năm tù trở xuống thì có 9 bị cáo.
- Mức án từ 7 năm tù đến 15 năm tù thì có 2 bị cáo.
- Mức án từ 15 năm đến 20 năm tù thì có 1 bị cáo.
- Mức án chung thân và tử hình thì không có.

Qua phân tích số liệu thống kê 5 năm qua thì Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Long An đã làm tốt trong công tác xét xử của mình, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật đối với người phạm tội, được các cấp lãnh đạo của Tỉnh quan tâm và đánh giá cao.

Khi quyết định hình phạt Tòa án đã căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự để lựa chọn mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội. Đó là quy định về lỗi, các dấu hiệu pháp lý của tội phạm cụ thể, các tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội... Việc căn cứ vào các quy định này giúp cho Tòa án quyết định hình phạt chính xác trong thực tế của từng vụ án cụ thể, xác định hình phạt cụ thể cho người phạm tội.

Khi quyết định hình phạt Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Long An còn căn cứ vào những quy định về quyết định hình phạt, như các nguyên tắc xét xử Điều 3, căn cứ quyết định hình phạt Điều 45 các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Điều 46, quyết định hình phạt trong trường hợp nhẹ hơn quy định của Bộ luật Hình sự Điều 47, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Điều 48, tái phạm và tái phạm nguy hiểm Điều 49, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội Điều 50, quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Sau khi phạm tội các bị cáo đều có hành vi thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải.

2.3.2.1. Quyết định hình phạt đối với tội tham ô tài sản theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999

Tội tham tài sản được quy định ở Điều 278 tại Mục A, Chương XXI Bộ luật Hình sự năm 1999 và có những khung hình phạt sau đây:

- Khung hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm quy định tại Khoản 1.
- Khung hình phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm quy định tại Khoản 2.
- Khung hình phạt tù từ mười lăm năm đến hai mươi năm quy định tại Khoản 3.
- Khung hình phạt tù từ hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình quy định tại Khoản 4

Ngoài các hình phạt chính thì người phạm tội còn bị áp dụng các hình phạt bổ sung như: Cấm đảm nhiệm chức vụ từ một năm đến năm năm, có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Thực tiễn xét xử các vụ án tham ô tài sản trong thời gian vừa qua cho thấy một số hội đồng xét xử đã chưa đánh giá đúng mức độ, tính chất của hành vi tội phạm nên việc áp dụng các hình phạt quá nhẹ hoặc cho hưởng án treo, chưa thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật đối với tội phạm.

Ví dụ như vụ án của “*Đoàn Thị Út tham ô tài sản tại Trường Trung học phổ thông Thạnh Hóa*”: Ngày 16/6/2006 Đoàn Thị Út, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú khu phố 2 - thị trấn Thạnh Hóa - huyện Thạnh Hóa - tỉnh Long An, được Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Long An quyết định bổ nhiệm vào ngạch kế toán trung cấp và là nhân viên kế toán thuộc Trường Trung học phổ thông Thạnh Hóa.

Trong quá trình công tác tại Trường Trung học phổ thông Thạnh Hóa. Ngày 02/8/2010 Ban giám hiệu Trường Trung học phổ thông Thạnh Hóa ký quyết định số: 01/QĐ-THPT “ về việc thành lập tổ thu học phí năm học 2010 - 2011”. Trong đó Đoàn Thị Út là nhân viên tổ thu học phí, với nhiệm vụ: “Tổng kết danh sách đóng tiền học phí đối chiếu số tiền trong danh sách với

số tiền đã ghi biên lai và là thủ quỹ. Quyết toán biên lai với Chi Cục Thuế”. Với nhiệm vụ trên Đoàn Thị Út cùng với cô Phùng Thị Thoa cùng là thành viên tổ thu học phí, chia nhau tất cả các lớp của toàn trường để thu học phí. Đoàn Thị Út trực tiếp thu học phí học sinh năm 2010-2011 ở 16 lớp của Trường Trung học phổ thông Thạnh Hóa gồm: Lớp 10C1, 10C2, 10C3, 10C4, 10T1, 10T2, 11C1, 11C2, 11C3, 11T1, 11T2, 12C1, 12C2, 12C3, 12T1 và 12T2. Trong quá trình thu học phí ở mỗi lớp học thì Út lập một danh sách viết tay thể hiện tên học sinh, lớp và số tiền đã đóng học phí của năm học 2010-2011. Khi học sinh đến đóng học phí năm học 2010-2011 thì Út viết ra một phiếu thu tạm giao cho học sinh. Đồng thời ghi tên học sinh này vào danh sách viết tay nêu trên. Theo quy định đến cuối kỳ thu học phí vào tháng 01/2011 Út phải tổng hợp số học sinh của các khối lớp đã đóng tiền để báo cáo Ban giám hiệu, ra bên lai của Chi Cục Thuế và nộp tiền vào Kho Bạc nhà nước. Trong quá trình tổng hợp từ danh sách của 16 lớp mà Út đã viết bằng tay thành 03 danh sách theo khối lớp 10, 11 và 12. Trong quá trình sao chép Út đã cố ý bỏ ra ngoài danh sách 102 học sinh đã nộp tiền học phí năm học 2010-2011 để chiếm đoạt số tiền 46.380.000 đồng.

Trong quá trình điều tra đã chứng minh được ngoài số tiền chiếm đoạt của 102 học sinh năm học 2010-2011 Út còn ra biên lai thu tạm của 09 học sinh nhưng Út không ghi vào danh sách tạm thu và cũng không đưa vào danh sách báo cáo Ban giám hiệu trường, không ra biên lai thu do Chi Cục Thuế phát hành và không nộp tiền cho Kho Bạc. Như vậy Út có thu tiền nhưng bỏ ngoài sổ 09 học sinh và đã chiếm đoạt số tiền là 2.190.000 đồng.

Ngoài ra trong thời gian làm kế toán của Trường Trung học phổ thông Thạnh Hóa, ngày 01/9/2010 Trường Trung học phổ thông Thạnh Hóa ký hợp đồng bảo hiểm y tế học sinh với Bảo hiểm xã hội huyện Thạnh Hóa. Sau khi ký hợp đồng thì có 1.230 học sinh của Trường Trung học phổ thông Thạnh

Hóa tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện với tổng số tiền đã nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Thanh Hóa là 226.270.800 đồng. Theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì Trường Trung học phổ thông Thanh Hóa được Bảo hiểm xã hội Huyện Thanh Hóa trích 2% hoa hồng chi cho đại lý bảo hiểm. Ngày 10/11/2010, bà Lê Thị Thu Oanh là Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông Thanh Hóa ký giấy giới thiệu cho Đoàn Thị Út đến Bảo hiểm xã hội huyện Thanh Hoá nhận tiền 2% hoa hồng bảo hiểm y tế học sinh năm học 2010-2011 cho nhà trường. Cùng ngày Đoàn Thị Út đến Bảo hiểm xã hội huyện Thanh Hóa lập thủ tục và ký nhận 2% hoa hồng bảo hiểm y tế học sinh năm 2010-2011 cho Trường Trung học phổ thông Thanh Hóa với số tiền là 4.525.416 đồng. Sau đó, do Út nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 4.525.416 đồng nêu trên nên Út đã không báo cáo Ban giám hiệu Trường Trung học phổ thông Thanh Hóa và không nộp số tiền này vào quỹ của nhà trường Út đã giữ và chi xài cá nhân hết số tiền nêu trên.

Ngày 03/6/2013 Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa đã đưa vụ án ra xét xử và tuyên buộc bị cáo Đoàn Thị Út phạm tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c và d khoản 2 Điều 278, các điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, 47 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Đoàn Thị Út 3 năm tù giam về tội “*Tham ô tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 5 năm.

Trong vụ án trên theo quan điểm của tác giả thì việc Tòa án cho bị cáo Đoàn Thị Út hưởng án treo là chưa thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật, chưa tương thích với hành vi mà tội phạm đã gây ra, không đáp ứng được tinh thần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm tham ô tài sản nói riêng.

2.3.2.2. *Quyết định hình phạt bổ sung đối với người phạm tội tham ô tài sản*

Theo quy định tại khoản 5 Điều 278 Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính, người phạm tội tham ô tài sản còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ

nhất định từ một năm đến năm năm, có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Một số bản án của Tòa án nhân dân đã có thiếu sót trong việc quyết định hình phạt bổ sung đối với tội phạm tham ô tài sản.

Ví dụ bản án số 35/HSST ngày 10/7/2015 Hà Thị Phương Thảo cùng đồng bọn phạm tội “Tham ô tài sản”. Tháng 9/2005, Hà Thị Phương Thảo được phân công làm kế toán Trường THCS Hòa Khánh. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kế toán, Thảo nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền ngân sách, tiền học phí để tiêu xài cá nhân thông qua cách thức thủ đoạn mua hàng hóa tại các đại lý mang về sử dụng sau đó làm chứng từ giả, chuyển khoản thanh toán, mua hàng hóa cho nhà trường và mua cho gia đình để sử dụng cá nhân, làm chứng từ giả chuyển khoản thanh toán; mua hóa đơn khống chuyển khoản yêu cầu chủ cửa hàng rút tiền mặt chi trả lại sau khi đã trừ mua bán hóa đơn; làm chứng từ giả chuyển khoản cho mẹ, cho chồng là Phan Đức Thiện. Để các chứng từ giả được Kho Bạc huyện Đức Hòa duyệt chi khoản, Thảo giả chữ ký chủ tài khoản là hiệu trưởng Huỳnh Văn Hùng và lấy con dấu của trường đóng vào các chứng từ chi giả đem nộp Kho Bạc yêu cầu chuyển khoản. Với cách thức thủ đoạn trên từ tháng 02/2012 đến tháng 9/2013, Hà Thị Phương Thảo sử dụng 99 bộ chứng từ giả gồm các hóa đơn chi giả kèm theo, chiếm đoạt tổng số tiền 428.283.000 đồng. Thảo đã nộp tiền khắc phục hậu quả là 272.597.000 đồng, còn lại số tiền 155.686.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2015/HSST ngày 10/7/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 278; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt Hà Thị Phương Thảo 08 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 278; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt Mai Đức Thiện 02 năm tù.

Hà Thị Phương Thảo và Mai Đức Thiện kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bản án hình sự phúc thẩm số 13/2016/HSPT ngày 07/01/2016, Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh: căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Thị Phương Thảo, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Đức Thiện. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 278; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt Hà Thị Phương Thảo 07 năm tù.

Như vậy có thể thấy Tòa án đã xét xử các bị cáo với mức hình phạt chính chứ không áp dụng các hình phạt bổ sung như: cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc phạt tiền, thiết nghĩ hình phạt bổ sung là rất cần thiết đối với tội phạm này. Thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Long An có thể thấy hình phạt bổ sung rất ít được áp dụng trong quá trình xét xử với tội tham ô tài sản, chủ yếu thuộc vào quan điểm của Hội đồng xét xử.

2.4. Nhận xét và đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An

Trong những năm vừa qua công tác điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng với các hành vi tham ô tài sản có nhiều tiến bộ. Chất lượng trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát hai cấp của tỉnh Long An về tội tham ô tài sản đã được nâng cao, qua đó hạn chế được việc trả lại hồ sơ để điều bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Công tác xét xử án hình sự đối với tội tham ô tài sản đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa ba ngành Công an, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân tỉnh trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử; chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo của Đảng, kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của các cấp ủy và tổ chức Đảng trong xét xử vụ án có liên quan đến cán bộ, Đảng viên theo Chỉ thị 15-CT/TW

ngày 07/07/2007 của Bộ Chính trị khóa (X) về sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án và công tác bảo vệ Đảng.

Các quy định của pháp luật hình sự về việc tiến hành tố tụng đã được các cơ quan có thẩm quyền trong việc tiến hành tố tụng thực hiện nghiêm túc, nhất là hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt trong các hoạt động truy tố và xét xử các vụ án tham ô tài sản đảm bảo tính khách quan đúng người, đúng tội, không làm oan sai cho người vô tội. Phần lớn các vụ án tham ô tài sản trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành thật khai báo, các chứng cứ chứng minh cho hành vi phạm tội đã rõ ràng, nên trong thời qua Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Long An đã cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ đối với công tác giải quyết các vụ án tham ô tài sản.

Việc áp dụng hình phạt trong khi xét xử đã đảm bảo tính nghiêm khắc, được công luận đồng tình ủng hộ, mang tính răn đe, giáo dục, góp phần ngăn chặn tội phạm và củng cố niềm tin của nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đối với công tác đấu tranh phòng chống tội tham ô, tham nhũng.

Thông qua việc phát hiện và xử lý các vụ việc, các vụ án tham ô, tham nhũng đã giúp các cấp, các ngành phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế - xã hội, từ đó bổ sung cơ chế, chính sách, khắc phục những tồn tại, yếu kém, đưa ra các giải pháp phòng ngừa các tội phạm về tham ô, tham nhũng. Tuy có tiến bộ nhưng công tác phát hiện xử lý các vụ án tham ô, tham nhũng còn hạn chế, yếu kém. Hiệu quả phát hiện tham ô, tham nhũng qua thanh kiểm tra, kiểm toán chưa cao. Việc xử lý các vụ án tham ô, tham nhũng thường bị kéo dài, tội phạm tham ô cho hưởng án treo còn chiếm tỷ lệ cao, công tác giám định tư pháp chưa hiệu quả, tài sản tham ô thu hồi còn thấp...[46].

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các vụ án tham ô tài sản đã gặp không ít khó khăn bởi các nguyên nhân sau đây:

- *Về giám định tư pháp*: Một số khó khăn trong công tác giám định tư pháp về tội tham ô tài sản, việc xác định thiệt hại về tài sản là công việc đầu tiên phải chứng minh trong vụ án tham ô tài sản bởi lẽ nếu không chứng minh được thiệt hại về tài sản thì không đủ chứng cứ để chứng minh về tội tham ô và coi như không có tội phạm tham ô xảy ra. Việc xác định về thiệt hại tài sản trong các vụ án tham ô tài sản bắt buộc phải tiến hành trưng cầu giám định về tài chính kế toán, giám định kỹ thuật, giám định chất lượng công trình. Kết luận trong trường hợp này là nguồn chứng cứ quan trọng chính minh tội phạm tham ô tài sản.

Ví dụ điển hình như vụ án của Triệu Thị Hồng Ngọc, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án số 70 ngày 04/5/2016. Bị can Triệu Thị Hồng Ngọc là cán bộ tài chính kế toán xã Thạnh Lợi huyện Bến Lức trong 02 năm 2013, 2014 quyết toán không chứng từ cho cán bộ công chức khi đã quyết toán kết số tại kho bạc chiếm đoạt 143.927.66 đồng. Vụ án đã phải tạm đình chỉ điều tra để chờ giám định chính xác số tiền bị thiệt hại.

Việc thực hiện giám định trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng... thường rất chậm, kéo dài, không đáp ứng được yêu cầu về thời gian theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng, nên ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết các vụ án tham ô tài sản. Tuy nhiên, trừ Bộ tài chính ra thì các cơ quan khác được trưng cầu để giám định tài chính thường né tránh, vì nhiều lý do khác nhau như thẩm định viên còn yếu kém, hạn chế...

Một số trường hợp, vụ việc giám định xây dựng gặp rất nhiều khó khăn, không đảm bảo yêu cầu về thời hạn giám định. Chất lượng kết luận giám định trong một số trường hợp còn chung chung, mập mờ, không khẳng định đúng sai, còn có dấu hiệu né tránh... Khiến các cơ quan tiến hành tố tụng lúng túng, khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Về công tác thu hồi tài sản tham ô*: Việc thu hồi tài sản tham ô đã được các cơ quan chức năng chú trọng thực hiện song song với việc phát hiện, điều

tra, truy tố, xét xử các vụ án tham ô. Tuy nhiên, thực tế thu hồi tài sản tham ô còn gặp rất nhiều khó khăn do quá trình phạm tội các đối tượng đã cất giấu tài sản, hợp thức hóa hoặc tiêu hủy tài liệu, chứng cứ bởi vì thế số lượng tài sản thu hồi còn đạt rất thấp. Các cơ quan tiến hành tố tụng thường tập trung vào việc chứng minh hành vi vi phạm nhưng chưa quan tâm đến việc kê biên tài sản, phong tỏa tài sản. Vì thế không ít trường hợp tài sản đã được tẩu tán trước khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên cạnh đó hệ thống pháp luật còn thiếu quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi tài sản tham ô, tham nhũng.

Việc thu hồi tài sản tham ô chủ yếu thông qua việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Hiện nay, chưa có cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong hoạt động thu hồi tài sản tham ô, tham nhũng trong đó xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan tham gia. Hệ thống pháp luật chưa quy định cụ thể cơ quan chuyên trách về thu hồi tài sản tham ô, tham nhũng cơ chế phối hợp để thực hiện các yêu cầu về thu hồi tài sản tham ô, tham nhũng...

- *Về năng lực điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật còn nhiều hạn chế:* Trong việc điều tra, truy tố và xét xử tội tham ô tài sản trong giai đoạn hiện nay với các thủ đoạn phạm tội tinh vi, xảo quyệt thì hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng bảo vệ pháp luật nhân danh Nhà nước, thì đòi hỏi một phần không thể thiếu đó là năng lực của các cán bộ này đóng vai trò rất quan trọng trong việc giải quyết các vụ án. Vì vậy muốn nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án tham ô, tham nhũng thì nhất thiết phải nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Kết luận Chương 2

Trên cơ sở khái quát, đánh giá tình hình xét xử tội phạm đối với tội “Tham ô tài sản” trên địa bàn tỉnh Long An, tác giả đã viện dẫn, phân tích đánh giá các bản án của Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Long An trong thời gian từ năm 2013 đến hết năm 2017. Từ đó tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý của định tội danh và quyết định hình phạt với mục đích tìm ra những điểm mà cơ quan tiến hành tố tụng đã định tội danh và quyết định hình phạt đúng người, đúng tội, đúng tính chất hành vi của người phạm tội và những hạn chế của cơ quan tiến hành tố tụng. Để khắc phục những hạn chế, vướng mắc còn tồn tại trên thực tế, tác giả cho rằng, các cơ quan chức năng cần nghiên cứu sửa đổi hoàn thiện các quy định của pháp luật về chế định hình phạt, có văn bản hướng dẫn cụ thể các điều luật liên quan, đồng thời cần tiếp tục nâng cao năng lực của đội ngũ các chức danh tiến hành tố tụng nói chung và đội ngũ thẩm phán nói riêng. Từ đó xây dựng các đề án khắc phục, hoàn thiện các quy định còn hạn chế của pháp luật, giúp cho thực tiễn giải quyết các vụ án tội phạm về tham nhũng nói chung và tội phạm tham ô tài sản nói riêng ngày càng hoàn thiện, công bằng, chính xác để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phòng chống tội phạm.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI THAM Ô TÀI SẢN

3.1. Dự báo, những yếu tố tác động đến tình hình tội phạm tham ô tài sản

3.1.1. Dự báo tình hình tội phạm tham ô tài sản trong thời gian tới trên địa bàn tỉnh Long An

Dự báo tình hình tội phạm là việc đưa ra những phán đoán khoa học về khả năng diễn biến của tình hình tội phạm diễn ra trong tương lai nhằm đề ra các giải pháp chủ động phòng ngừa. Dự báo tình hình tội phạm chính là cơ sở của việc xây dựng các chương trình và kế hoạch phòng ngừa tình hình tội phạm trong phạm vi cả nước hay một tỉnh.

Thực hiện đường lối đổi mới, hội nhập của Đảng và Nhà nước ta, nền kinh tế nước ta đã từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới. Đặc biệt nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường đóng vai trò tích cực đối với sự phát triển của nền sản xuất xã hội, tạo điều kiện để từng bước thỏa mãn lợi ích nhân dân. Theo đó các quan hệ kinh tế – xã hội sẽ có bước phát triển và vận hành như các nền kinh tế thị trường khác trên thế giới. Vì vậy, chúng ta có cơ hội nắm bắt đưa kinh tế nước ta phát triển, vừa phải đối mặt với những tiêu cực nhất định là các tội phạm về tham ô tài sản diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi hơn.

Với bối cảnh đất nước hội nhập như hiện nay thì trong những năm tới tình hình tội phạm tham nhũng nói chung, tội phạm về tham ô tài sản nói riêng ở nước ta và trên địa bàn tỉnh Long An sẽ có xu hướng gia tăng, diễn

biến phức tạp và hậu quả xảy ra sẽ nghiêm trọng hơn dưới tác động của nhiều nguyên nhân. Lĩnh vực xảy ra tội phạm sẽ đa dạng hơn liên quan đến nhiều địa phương, thủ đoạn tội phạm sẽ đa dạng hơn liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau. Thủ đoạn tội phạm sẽ tinh vi hơn, do vậy việc phòng chống tội phạm về tham ô tài sản gặp khó khăn đòi hỏi các cơ quan bảo vệ pháp luật phải nỗ lực phát hiện và xử lý nhanh chóng, kịp thời.

Về tính chất mức độ tội phạm: có xu hướng ngày càng phức tạp hơn, thủ đoạn thực hiện sẽ tinh vi, kín đáo hơn và rất khó phát hiện. Đặc biệt sẽ có nhiều vụ án tham ô tài sản có quy mô lớn.

Về người phạm tội: sẽ có những người nắm giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ quan trong và ngoài Nhà nước ở những vụ án có quy mô, có tổ chức. Người có chức vụ càng cao thì hành vi phạm tội càng nghiêm trọng gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý.

Về địa bàn: sẽ nổi lên ở địa bàn các huyện, thị xã mới phát triển như các huyện Cần Đức, Vĩnh Hưng, Thị xã Kiến Tường... tình hình quản lý xã hội của các cơ quan chức năng chưa đáp ứng được yêu cầu chung.

Về lĩnh vực xảy ra tội phạm bao gồm: các lĩnh vực tài chính ngân hàng, các cơ quan tư pháp, lĩnh vực công, mua sắm công...

Trong thời gian tới tội tham ô tài sản sẽ có xu hướng tăng trong lĩnh vực công. Đặc biệt sẽ có tội phạm tham ô tài sản trong lĩnh vực tư. Vì hiện nay Bộ luật Hình sự năm 2015 đã quy định để xử lý tội tham ô trong lĩnh vực tư nên trong thời gian tới sẽ có tội tham ô trong lĩnh vực này.

3.1.2. Những yếu tố tác động đến tội phạm tham ô tài sản trong thời gian tới

- Một số thuận lợi cơ bản:

Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế tạo ra những điều kiện thuận lợi cho công tác phòng, chống tội phạm tham nhũng nói chung và tội tham ô tài

sản nói riêng. Việt Nam đã ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế và đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật tương đối đầy đủ về phòng, chống và xử lý triệt để, tạo cơ pháp lý cho công tác đấu tranh với tội phạm tham ô tài sản như: nước ta đã ký và là thành viên của Công ước Liên Hiệp Quốc về phòng chống tham nhũng; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi bổ sung 2012); Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn xử lý hành vi tham nhũng, mở rộng pháp nhân là người phạm tội không chỉ là người có chức vụ, quyền hạn trong khu vực Nhà nước mà cả trong các doanh nghiệp tư nhân ngoài Nhà nước.

Hệ thống các văn bản pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành và các quy chế phối hợp giữa VKSNDTC, Bộ công an, TANDTC ngày càng được ban hành hoàn thiện đã tạo ra hành lang pháp lý thuận lợi cho Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình trong công tác đấu tranh với loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay.

Bộ máy tổ chức của các cơ quan, đơn vị chuyên trách trong công tác đấu tranh với tội tham nhũng được quan tâm và xây dựng hiện đại hơn. Trong những năm gần đây, nhất là từ khi Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 ra đời và có hiệu lực tạo điều kiện cho tổ chức các cơ quan, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng được hình thành, củng cố và từng bước hoạt động có hiệu quả từ cấp trung ương đến địa phương.

Quán triệt và thực hiện các nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp, quyết tâm chính trị và hành động của cả hệ thống chính trị nước ta trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng được thể hiện một cách rõ ràng và nhất quán, các quy định của Hiến pháp năm 2013. Công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác,

tin báo tội phạm, công tác điều tra, truy tố, xét xử về tội phạm tham ô tài sản cũng được các ban ngành quan tâm.

- Một số khó khăn cơ bản:

Tham ô tài sản là một hiện tượng xã hội tiêu cực, nó là kết quả trực tiếp của những diễn biến trong đời sống kinh tế xã hội của đất nước. Sự phát sinh, phát triển, tồn tại của tội tham ô tài sản phụ thuộc vào yếu tố kinh tế – xã hội, quyền lực mà các loại tội phạm khác không có hoặc ít có. Đây là đặc trưng của tội phạm tham nhũng.

Xuất phát từ các đặc điểm về nhân thân đối tượng phạm tội tham ô tài sản là người có chức vụ, quyền hạn nhất định trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, có trình độ chuyên môn cao, quan hệ xã hội rộng, có điều kiện kinh tế để thực hiện hành vi phạm tội và che giấu tội phạm, đồng thời tìm cách để tác động, mua chuộc cán bộ làm công tác điều tra... Mặt khác, các vụ án tham ô tài sản thường xảy ra trong thời gian khá lâu mới bị phát hiện nên đối tượng phạm tội đã cất giấu, hợp lý hóa hoặc đã tiêu hủy tài liệu dẫn đến việc thu thập tài liệu gặp nhiều khó khăn.

Hiện nay Nhà nước đã có những chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, thực hiện chủ trương Chính phủ kiến tạo, lấy doanh nghiệp là đối tượng phục vụ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh và phát triển, ngày 16 tháng 5 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Bên cạnh những doanh nghiệp, tổ chức làm ăn chân chính thì bọn tội phạm đã lợi dụng những chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp để thực hiện hành vi tham nhũng trong lĩnh vực này.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ đã và đang đóng một vai trò

quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội ở nước ta thông qua các hoạt động hợp tác, hỗ trợ, viện trợ, tài trợ... Tội phạm đã lợi dụng những điều kiện này để thực hiện hành vi tham nhũng.

Thực tế cho thấy các cơ quan điều tra trong việc giải quyết các vụ án tham ô tài sản trong các doanh nghiệp còn nhiều hạn chế, dẫn đến việc điều tra, truy tố, xét xử gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt kiến thức về Luật quốc tế, kinh nghiệm trong công tác điều tra các vụ án tham ô tài sản có yếu tố nước ngoài còn khá hạn chế nhất là các nước mà Việt Nam chưa ký Hiệp định tương trợ tư pháp.

Hiện nay hệ thống các cơ quan, tổ chức, đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng chưa ổn định, chưa đủ mạnh còn thiếu cơ chế hoạt động và một số quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy cơ quan phòng, chống tham nhũng còn nhiều bất cập, các quy định về cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trên thực tế.

Chính phủ ban hành Nghị định số 107 ngày 22/9/2006 quy định về chế độ trách nhiệm của người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng. Mặc dù các văn bản trên ra đời là cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh đối với tội phạm nhưng chưa có văn bản nào về khái niệm và phương pháp xử lý thích hợp với đặc điểm của dạng tội phạm này. Bên cạnh đó đã có các đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng nhưng trình độ các cán bộ, chiến sĩ các đơn vị này còn nhiều hạn chế, chưa có đặc thù về đấu tranh với tội tham ô tài sản nói riêng và tội phạm về tham nhũng nói chung.

Một số văn bản của các ngành trái với quy định của Luật tố tụng Hình sự như Ngân hàng Nhà nước quy định chỉ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự thì mới cung cấp tài liệu cho Cơ quan điều tra.

Đối với việc điều tra các vụ án tham nhũng có yếu tố nước ngoài việc ủy thác điều tra và tiếp nhận kết quả ủy thác điều tra bị kéo dài hoặc không đạt yêu cầu điều tra. Đồng thời, do có sự khác biệt về pháp luật giữa Việt Nam với các nước nên kết quả công tác phối hợp tương trợ tư pháp còn nhiều hạn chế. Vấn đề hợp tác quốc tế, dẫn độ trong các vụ án này cũng gặp nhiều khó khăn, không nhận được sự hỗ trợ bên ngoài.

3.2. Giải pháp hoàn thiện và áp dụng pháp luật hình sự đối với tội tham ô tài sản

3.2.1. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản

Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được Kỳ họp thứ 3 Quốc hội Khóa XIV sửa đổi bổ sung thông qua ngày 20/6/2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2018. Bộ luật Hình sự năm 2015 đã khắc phục được những hạn chế của Bộ luật Hình sự năm 1999. Đã đáp ứng yêu cầu của Hiến pháp năm 2013 về việc “Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật” (Khoản 2, Điều 51).

Tuy nhiên qua nghiên cứu tác giả nhận thấy quy định về tội tham ô tài sản được quy định tại Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi năm 2017 đã đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế như hiện nay, nhưng cần thiết phải ban hành văn bản hướng dẫn như:

** Kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn giải thích rõ quy định của Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 giải thích thế nào là người có “chức vụ, quyền hạn”.*

Theo quy định tại Điều 352 thì “Người có chức vụ quyền hạn là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ”.

Do đó để áp dụng đúng và thống nhất thì thiết nghĩ các cơ quan chức năng cần ban hành văn bản thống nhất hướng dẫn như thế nào là người có “chức vụ, quyền hạn” hiện nay Bộ luật Hình sự năm 2015 đã mở rộng hành vi tham ô tài sản không chỉ trong khu vực Nhà nước mà còn cả trong khu vực tư nhân. Vì hiện nay người có “chức vụ, quyền hạn” được hiểu theo Pháp lệnh cán bộ, công chức năm 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2000 và năm 2003) và Điều 1 của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2005 mà chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể người có “chức vụ, quyền hạn” trong các doanh nghiệp tư nhân.

Vì hiện nay Bộ luật Hình sự năm 2015 có quy định thêm về việc xử lý tội tham ô tài sản cả trong các doanh nghiệp tư nhân cho nên cần phải cấp thiết ban hành các văn bản hướng dẫn người có “chức vụ, quyền hạn” trong lĩnh vực tư để tránh những vướng mắc trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử.

Kiến nghị người có chức vụ trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước là do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định có quyền giải quyết hoặc tham gia vào việc giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, có quyền đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến công việc chung của các cơ quan tổ chức mình đang công tác, thông qua đại diện quyền lực của các cơ quan tổ chức, chức năng điều hành, quản lý, chức năng tổ chức sản, xuất kinh doanh.

** Cần quy định rõ áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự trong khi xét xử các vụ án tham ô tài sản.*

Theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” tình tiết này chỉ có ý nghĩa đối với hậu quả của tội phạm là xâm hại đến khách thể là quan hệ sở hữu tài sản, nhưng hành vi phạm tội tham ô tài sản còn xâm phạm đến khách thể quan trọng không kém đó là hoạt động đúng đắn của cơ

quan, tổ chức. Do đó tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự chỉ có ý nghĩa nhất định đối với tội tham ô tài sản khác với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản... nộp lại số tiền đã chiếm đoạt.

** Hướng dẫn quy trách nhiệm hình sự đối với người đồng phạm trong vụ án tham ô tài sản mà giá trị tài sản chiếm đoạt chưa đến 2.000.000 đồng.*

Quy định của Bộ luật Hình sự 2015 thì trường hợp có đồng phạm chưa bị xử lý kỷ luật về hành vi tham ô vì không phải là chủ thể đặc biệt như quy định tại Điều 352 Bộ luật Hình sự thì những người này có bị truy cứu trách nhiệm hình sự như người chủ mưu hay không? Trên thực tế xét xử những vụ án tham ô thường có nhiều đồng phạm giúp sức, tài sản bị chiếm đoạt lớn nên đồng phạm thường chịu trách nhiệm hình sự như người chủ mưu.

Kiến nghị hướng dẫn về đồng phạm như sau: Người đồng phạm trong vụ án tham ô nếu biết rõ người có chức vụ, quyền hạn đã bị xử lý kỷ luật về hành vi tham ô tài sản, đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương XXIII mà vẫn còn cố ý thực hiện tội phạm với người có chức vụ, quyền hạn thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tham ô tài sản theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

** Kiến nghị hình phạt tiền là hình phạt bắt buộc trong tội tham ô tài sản*

Hiện nay ngoài việc quy định các hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình đối với tội tham ô tài sản thì Điều 353 Bộ luật Hình sự còn quy định các hình phạt bổ sung nhằm tăng cường hiệu quả trừng trị, răn đe tội phạm. Hình phạt tiền là một trong những hình phạt bổ sung đó. Tham ô tài sản là loại tội phạm chức vụ mang tính chiếm đoạt, người phạm tội là người có chức vụ, quyền hạn khi thực hiện hành vi phạm tội họ nhận thức rõ tính chất hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng họ vẫn cố ý thực hiện hành vi tội phạm của mình vì mục đích tư lợi cho cá nhân, bất chấp

hậu quả xảy ra như thế nào. Trong tội tham ô tài sản tiền là lợi ích vật chất mà người phạm tội mong muốn đạt được. Do đó cần phải tăng cường mức phạt tiền đối với tội tham ô tài sản để tác động mạnh mẽ hơn nữa đến ý thức của người phạm tội. Cần tăng mức phạt tiền như một mức hình phạt bắt buộc để nhằm tước bỏ phương tiện phạm tội và để tác động mạnh mẽ hơn đến ý thức của người phạm tội, góp phần hạn chế hành vi phạm tội của loại tội phạm này. Vì vậy, các nhà làm luật cần quy định hình phạt tiền là hình phạt bắt buộc trong tội tham ô tài sản, không nên quy định hình phạt tiền là hình phạt mang tính lựa chọn như hiện nay.

** Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về giám định tư pháp*

Thực hiện chủ trương “*Quy định chặt chẽ, rõ ràng về trình tự, thủ tục, thời gian trung cầu và thực hiện giám định...Xác định rõ cơ chế đánh giá kết luận giám định, bảo đảm đúng đắn, khách quan để làm căn cứ giải quyết vụ việc*” thể hiện trong Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Hoàn thiện pháp luật về giám định tư pháp theo hướng quy định chặt chẽ, cụ thể hơn về điều kiện, trình tự, thủ tục, thời gian trung cầu giám định và tiến hành giám định tư pháp phục vụ phòng, chống tham nhũng trong đó quy định rõ trách nhiệm có tính bắt buộc và chế tài xử lý nghiêm đối với cơ quan, tổ chức cá nhân có trách nhiệm giám định từ chối, né tránh, chậm thực hiện giám định hoặc kết luận giám định thiếu rõ ràng, kết luận giám định sai.

Ban hành quy chuẩn giám định phù hợp với từng lĩnh vực, trước hết là các lĩnh vực tài chính, kế toán, xây dựng, tài nguyên, môi trường, giao thông vận tải. Trong các lĩnh vực chưa có tổ chức giám định tư pháp công lập thì cần xác định cơ quan đầu mối chủ trì điều phối hoạt động giám định tư pháp.

Cần sớm ban hành quy định về căn cứ, cách trung cầu các tổ chức, cá nhân có năng lực làm giám định và bảo đảm tính độc lập, khách quan của hoạt động giám định. Hướng dẫn về việc xem xét, đánh giá và sử dụng kết

luận giám định trong hoạt động tố tụng để đảm bảo việc giải quyết các vụ án, nhất là các vụ án tham nhũng được chính xác, khách quan và đúng pháp luật.

Xây dựng nghị định quy định chi tiết Luật Giám định tư pháp năm 2012 về lĩnh vực giám định tài chính, ngân hàng, chất lượng công trình... đảm bảo thời gian tiến hành công tác giám định cho phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; trách nhiệm cơ quan giám định, trách nhiệm của giám định viên đối với các kết luận giám định...

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại để đáp ứng yêu cầu công tác giám định trong tình hình hiện nay nhất là đối với Cơ quan giám định Công an cấp tỉnh.

3.2.2. Giải pháp nâng cao năng lực nhận thức và trình độ chuyên môn, kỹ năng vận dụng quy định pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản

Việc nâng cao chất lượng đối với đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán về chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm nghề nghiệp luôn là một nhiệm vụ rất quan trọng góp phần không nhỏ trong việc phòng chống oan sai, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan sai người vô tội. Để nâng cao năng lực trình độ nhận thức và vận dụng quy định pháp luật hình sự nói chung và tội tham ô tài sản nói riêng cần tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa II) về tăng cường xây dựng chính đôn Đảng ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ lực lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán.

Hiện nay tình hình tội phạm biến đổi không ngừng với quy mô và thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp, sử dụng thiết bị công nghệ cao để đối phó với lại với các cơ quan pháp luật. Vì thế nên thường xuyên tổ chức các lớp tập

huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho những người tiến hành tố tụng như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân để đáp ứng với tình hình tội phạm như hiện nay.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Duy trì việc tổ chức giao ban định kỳ đối với liên ngành qua đó để tháo gỡ khó khăn vướng mắc để phối hợp đi đến phương án xử lý chính xác, đúng pháp luật. Viện kiểm sát phải thực hiện chính xác đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc tố tụng hình sự, kiểm sát chặt chẽ việc xác minh giải quyết của cơ quan điều tra đối với tin báo về tội phạm tham ô, tham nhũng thể hiện quan điểm trong định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội phạm tham ô, tham nhũng.

Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ, trình độ chính trị, chuyên môn, trang bị thêm kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trực tiếp làm nhiệm vụ trong công tác đấu tranh với tội phạm tham ô, tham nhũng có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tham nhũng diễn biến phức tạp và tinh vi như hiện nay.

Tăng cường nghiệp vụ và kỹ năng định tội danh. Định tội danh là một hoạt động đóng vai trò quan trọng trong quá trình tố tụng hình sự, để hoạt động định tội danh đạt được hiệu quả cao còn phụ thuộc rất nhiều vào trình độ của những người tiến hành định tội danh. Vì định tội danh sai sẽ gây ảnh hưởng lớn đến vụ án, ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân bị can, bị cáo. Do đó, đòi hỏi cán bộ tiến hành tố tụng phải có một trình độ và nghiệp vụ vững chắc. Ngay từ bước điều tra vụ án tham ô tài sản thì đòi hỏi Điều tra viên cần phải có những kiến thức nhất định về lĩnh vực kinh tế tài chính, có khả năng đọc báo cáo số liệu và phân tích làm rõ những sai sót để có phương án định tội thiết thực và hiệu quả cao nhất. Việc định tội danh càng chi tiết và cần trọng bao nhiêu thì

càng hạn chế được oan sai bấy nhiêu. Do đó, hoạt động nâng cao kỹ năng định tội danh góp phần đảm bảo hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự.

Cần làm tốt quy trình lựa chọn, bố trí cán bộ, vừa đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo mở rộng dân chủ, đồng thời phải kịp thời phát hiện và tích cực bồi dưỡng các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trẻ có năng lực để họ rèn luyện trong thực tiễn. Từng bước cải thiện, tạo điều kiện đầu tư các trang thiết bị, phương tiện cơ sở vật chất để hỗ trợ tốt cho quá trình công tác để đáp ứng với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới hiện nay. Tạo điều kiện làm việc cải cách chế độ tiền lương và các phụ cấp khác như: phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thâm niên công tác, chế độ bồi dưỡng, chế độ trang phục.. để đảm bảo cho cuộc sống của đội ngũ cán bộ tiến hành tô tụng nhằm giúp cho họ trang trải sinh hoạt và chu cấp cho gia đình để họ yên tâm công tác.

3.2.3. Giải pháp về hoạt động của cơ quan điều tra, viện kiểm sát, tòa án trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự

3.2.3.1. Đối với cơ quan điều tra

Các cơ điều tra chuyên trách điều tra tội tham ô tài sản cần được quan tâm chỉ đạo, nâng cao chất lượng phát hiện, khởi tố, điều tra các hành vi tham ô tài sản. Cần tổng kết đánh giá làm rõ nguyên nhân những vấn đề lý luận và thực tiễn về tổ chức hoạt động cơ quan điều tra. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp tổ chức lại cơ quan điều tra, đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tiễn theo định hướng của Đảng về chiến lược cải cách tư pháp đảm bảo khách quan, toàn diện chống oan sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm trong hoạt động điều tra, hạn chế thất nhất việc điều tra bổ sung hoặc điều tra lại... góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng.

Hiện nay lực lượng điều tra tiến hành điều tra các vụ án tham ô, tham nhũng tại các địa phương, trong đó có một số điều tra viên chưa có kinh

nghiệm, còn yếu về chuyên môn nghiệp vụ, nhất là về lĩnh vực kinh tế, xây dựng, tài chính, ngân hàng, thuế... Đề nghị cần nghiên cứu đổi mới hoạt động của cơ quan điều tra về tội tham ô như sau:

Cần thành lập Phòng Cảnh sát điều tra về tội tham nhũng, tham ô tại các tỉnh, thành phố. Các cơ quan điều tra cần đẩy mạnh công tác nắm bắt tình hình sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ với tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh việc chấp hành pháp luật trong việc tiếp nhận, giải quyết tin báo về tội phạm, khởi tố điều tra các hành vi có dấu hiệu tham ô, tham nhũng. Cơ quan điều tra chuyên trách của Bộ Công an phải thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết các chuyên án các vụ án về tham ô đã được phát hiện, điều tra và xử lý trong thời gian qua để rút ra phương thức, đặc điểm và thủ đoạn của tội phạm. Để từ đó rút ra kinh nghiệm nâng cao hiệu quả trong công tác phát hiện, khởi tố điều tra, xử lý tội phạm tham ô, tham nhũng. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phát hiện, điều tra, xử lý các vụ án có liên quan đến tội tham ô.

Quy định cụ thể về việc mua tin chống tham nhũng từ 500.000 đồng đến 10 triệu đồng/tin, tùy theo tính chất vụ việc và chất lượng thông tin, tài liệu. Phải đảm bảo công tác bí mật tuyệt đối cho người cung cấp thông tin.

3.2.3.2. Đối với viện kiểm sát

Viện kiểm sát nhân dân hai cấp của tỉnh Long An trong thời gian vừa qua đã là tốt công tác nhận tin báo tố giác tội phạm và kiểm sát các hoạt động tư pháp của mình. Nhằm để thực hiện tốt hơn vai trò của mình, trên cơ sở của Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân sửa đổi năm 2014 ngành kiểm sát cần quán triệt vai trò chủ đạo của mình trong việc nắm bắt toàn bộ các tin báo, tố giác về tội phạm tham ô, tham nhũng kiểm sát chặt chẽ hoạt động điều tra, chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. Căn cứ theo Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân

dân sửa đổi năm 2014, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp cần xác định rõ việc thực hành quyền công tố của mình trong các vụ án tham ô, tham nhũng đối với việc định tội danh. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra ngay từ khi nhận tin báo, tố giác về tội phạm tham nhũng để kịp thời yêu cầu xác minh và phân loại xử lý.

Khi thực hành quyền công tố mỗi kiểm sát viên phải quán triệt nguyên tắc không làm oan sai cho người vô tội, không được bỏ lọt tội phạm, mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện, điều tra xử lý theo pháp luật. Kiểm sát chặt chẽ việc thu thập chứng cứ, nhất là chứng cứ liên quan đến thủ đoạn và nguồn gốc tài sản tham ô, tham nhũng khám xét và kê biên tài sản phải kịp thời để ngăn ngừa việc tẩu tán tài sản... nhằm để xử lý nghiêm minh và đúng theo pháp luật.

Viện Kiểm sát cần nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đấu tranh làm rõ tội trạng của các bị cáo, đồng thời kiểm sát chặt chẽ quá trình xét xử nhất là việc ra các bản án, quyết định của Tòa án. Phối hợp chặt chẽ với Tòa án trong việc đẩy nhanh tiến độ xét xử với các vụ án tham ô, tham nhũng. Hạn chế tối đa việc trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung, bảo đảm việc xử lý vụ án nhanh chóng, kịp thời, nghiêm minh. Thường xuyên đôn đốc với các cơ quan thi hành án để có các biện pháp thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng.

3.2.3.3. Đối với tòa án

Ngành tòa án vừa qua đã kịp thời đưa ra xử lý các vụ án tham ô tài sản trên địa bàn rất được sự quan tâm của dư luận xã hội, xét xử đúng người đúng tội với những bản án nghiêm minh thể hiện đúng đắn đường lối chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Nhưng để hoàn thiện hơn nữa về công tác xét xử xin đề xuất một số giải pháp sau:

Đổi mới hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp theo hướng hợp lý khoa học và hiện đại về cơ cấu tổ chức trong hoạt động xét xử của Tòa án, nguyên tắc khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là nguyên tắc cơ bản của hoạt động xét xử. Nguyên tắc này đã được ghi nhận trong Hiến pháp 2013 và được cụ thể hóa trong quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đồng thời, Tòa án nhân dân hai cấp cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát để giải quyết dứt điểm các vụ án tham nhũng. Lãnh đạo Tòa án nhân dân hai cấp cần cử các Thẩm phán có kinh nghiệm công tác, có năng lực chuyên môn tham gia tiếp cận hồ sơ các vụ án tham nhũng ngay từ giai đoạn điều tra, truy tố để nắm vững các tình tiết khách quan của vụ án, để đảm bảo cho việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cần xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt đối với những đối tượng đã thực hiện hành vi tham ô, tham nhũng mà đã chủ động thành thật khai báo, khắc phục hậu quả. Trong bản án Tòa án cần quy định rõ về phần tài sản tham ô, tham nhũng nhằm ngăn chặn việc tẩu tán tài sản, bảo đảm cho việc thu hồi tài sản để giảm bớt phần thiệt hại do loại tội phạm này gây ra.

Cần triển khai nghiên túc Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn về việc cho hưởng án treo, nhất là việc áp dụng đối với tội tham ô tài sản. Quá trình xử lý tội phạm tham ô cần xử lý nghiêm túc theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Phòng, chống tham nhũng theo đó xử lý nghiêm và không cho hưởng án treo đối với các bị cáo phạm tội tham ô là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và người phạm tội tham ô mà không chủ động khai báo, không tích cực hạn chế thiệt hại, không tự giác nộp lại tài sản do tham ô mà có.

3.2.4. Giải pháp đối với việc thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng

Đối với tiền, tài sản, vật chất bị người có hành vi tham nhũng chiếm đoạt thì cần:

Tăng cường trách nhiệm của Kiểm sát viên trong việc thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng. Phối hợp với Cơ quan điều tra để đưa ra biện pháp truy nguyên nhằm xác định, làm rõ tài sản nào là tài sản của người phạm tội và tài sản liên quan đến hành vi phạm tội mà có, để có căn cứ yêu cầu Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp kê biên tài sản để tránh việc tẩu tán tài sản. Đồng thời, phải nhanh chóng làm việc với cơ quan hữu quan trong việc yêu cầu giám định về tài chính, kế toán, giám định kỹ thuật, giám định chất lượng công trình... để xác định đúng đối tượng là tài sản cần thu hồi.

Kiểm sát viên cần phối hợp với các phòng nghiệp vụ khác như: Phòng Kiểm sát về giải quyết các vụ án dân sự, Phòng Kiểm sát thi hành án dân sự... để nắm thêm thông tin liên quan đến việc tẩu tán tài sản của các đối tượng tham ô, tham nhũng (chia thừa kế, chuyển giao tài sản cho người khác...) để kịp thời yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời như kê biên, phong tỏa tài sản của người phạm tội. Ngoài ra, cũng cần phối hợp với các cơ quan đăng ký tài sản, giao dịch bảo đảm trong việc chia sẻ các thông tin liên quan đến tài sản tham ô, tham nhũng để bảo đảm thi hành án.

Người tham ô, tham nhũng thường là những người có chức vụ, quyền hạn họ đã tính toán và có thời gian để tẩu tán tài sản, chuyển tài sản ra nước ngoài nên việc thu hồi tài sản cần được phân định rõ ràng và được luật hóa khi thu hồi tài sản. Cần xác định rõ các hình thức thu hồi tài sản tham ô, tham nhũng như: thu hồi trực tiếp, thu hồi gián tiếp, thu hồi tài sản, giá trị tài sản, có cơ chế bồi thường chi phí cho quá trình thẩm định tài sản do tham ô, tham nhũng mà

có. Có cơ chế hưởng lợi cho cá nhân, đơn vị có quyền và nghĩa vụ đối với công tác thu hồi, người giúp phát hiện tài sản do tham ô, tham nhũng mà có.

Kết luận Chương 3

Qua việc nghiên cứu về mặt lý luận cũng như thực tiễn áp dụng về tội tham ô tài sản luận văn đã đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện hơn nữa các quy định của pháp luật về tội tham ô tài sản. Kiến nghị, đề xuất các cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự về tội tham ô tài sản nhằm để tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn bất cập trong thực tiễn giải quyết các vụ án tham ô tài sản.

Đồng thời đề nghị hình phạt tiền là một hình phạt bắt buộc chứ không phải là một hình phạt mang tính lựa chọn như hiện nay, hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trong pháp luật hình sự đối với tội tham ô tài sản, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hoạt động của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự. Cùng với đó là giải pháp đảm bảo cho việc thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt trong các vụ án tham ô. Nếu chỉ xử lý hình sự đối với tội tham ô mà không thu hồi được tiền, tài sản bị chiếm đoạt thì coi như xử lý về loại tội phạm này chưa triệt để.

KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu tội tham ô tài sản theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An, luận văn đã cố gắng làm rõ các dấu hiệu tội phạm và công tác xử lý đối với tội tham ô trên địa bàn của tỉnh. Tội tham ô tài sản là một tội nằm trong 7 tội về tham nhũng và là tội đứng hàng đầu trong các tội phạm về tham nhũng, gây thiệt hại không nhỏ về tài sản, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân làm mất niềm tin của quần chúng nhân dân vào bộ máy chính quyền. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách đầy đủ và có hệ thống nội dung quy định của tội tham ô tài sản có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả trong thực tiễn áp dụng pháp luật, góp phần tích cực vào công tác đấu tranh, xử lý tội phạm tham nhũng nói chung và tội tham ô tài sản nói riêng.

Luận văn đã nêu, phân tích, đánh giá làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về tội tham ô tài sản. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội tham ô tài sản trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành, trách nhiệm hình sự trong các trường hợp cụ thể.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật hình sự Việt Nam và nêu lên những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng quy định của pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản trong điều tra, truy tố và xét xử giai đoạn từ năm 2013 đến hết năm 2017 trên địa bàn tỉnh Long An. Đồng thời phân tích một số vấn đề trong thực tiễn áp dụng pháp luật về định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội tham ô tài sản trên địa bàn tỉnh Long An. Thông qua đó luận văn đã có dự báo tình hình tội phạm tham ô tài sản trong thời gian tới và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử nâng cao năng lực nhận thức, trình độ chuyên môn và kỹ năng hành nghề của những người tiến hành tố tụng trong thời gian tới.

Trong quá trình thực hiện Luận văn, tác giả đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ của nhiều cơ quan, đơn vị, cá nhân. Xin chân thành cảm ơn Quý thầy,

cô của Học viện Khoa học xã hội. Đặc biệt, tác giả xin cảm ơn GS.TS. Bùi Minh Thanh, giáo viên hướng dẫn khoa học đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ trong quá trình thực hiện luận văn này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Nội chính Trung ương (2015), *Tổng kết một số vấn đề lý luận – thực tiễn 30 năm đổi mới (1986-2016) về Tư pháp – Nội chính – Phòng , chống tham nhũng, lãng phí*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Ban Nội chính Trung ương (2016), *Báo cáo một số khó khăn, vướng mắc trong giám định tư pháp phục vụ điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm về tham nhũng, kinh tế và những việc cần tập trung thực hiện trong thời gian tới*.
3. Nguyễn Đức Bằng (2015), *Bàn về khách thể của tội tham ô tài sản*, Tạp chí Kiểm sát, (Số 10), tr.43-46.
4. Bộ tư pháp Viện khoa học pháp lý (2006), *Từ điển luật học*, Nxb Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
5. Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa (1946), *Sắc lệnh số 223*, Hà Nội.
6. Chính phủ, Thông tư số 03/2006/TT-BNV, *Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức*.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết của Bộ Chính trị số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết của Bộ chính trị số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Chỉ thị của Bộ Chính trị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng*.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Kết luận của Bộ Chính trị số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.*
11. Trương Thị Hằng (2006), *Bàn về chủ thể của tội tham ô tài sản trong Bộ luật hình sự năm 1999*, Tạp chí Kiểm sát, (Số 6), tr.29-31.
12. Nguyễn Thị Hòa (2006), *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội và trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Công an nhân dân (Số 1).
13. Trương Bá Hùng (2006), *Bàn về chủ thể của tội tham ô tài sản trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Kiểm sát, (Số 22), tr.38-43.
14. Liên hợp quốc (2003), *Công ước phòng chống tham nhũng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Vũ Thành Long (2006), *Về việc áp dụng tình tiết tăng nặng xâm phạm tài sản của Nhà nước trong tội tham ô tài sản*, Tạp chí tòa án nhân dân, (Số 16), tr.25-27.
16. Trần Công Phàn (2006), *Các tội phạm về tham nhũng trong luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Kiểm sát, (Số 6), tr.25.
17. Đinh Văn Quế (2006), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội tham ô tài sản trong cơ chế thị trường*, Tạp chí Kiểm sát, (Số 22), tr.29-37.
18. Đinh Văn Quế (2009), *Một số vấn đề về tội tham ô tài sản và những vướng mắc trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Tòa án nhân dân Kỳ 1, (Số 11), tr.33-36.
19. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1985), *Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội.
20. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), *Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

21. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Bộ Luật tố tụng Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Bộ Luật dân sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ Luật dân sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ Luật tố tụng Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2017), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Phòng, chống tham nhũng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Luật cán bộ, công chức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Trần Quang Sơn (2009), *Cần có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về khách thể của tội tham ô tài sản*, Tạp chí Kiểm sát, (Số 05), tr.25.
32. Tạ Thị Thủy (2009), *Tội tham ô tài sản trong luật hình sự Việt Nam – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Đại học quốc gia Hà Nội.
33. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

34. Tô Xuân Tùng (2015), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội tham ô tài sản trong luật hình sự Việt Nam*, Đại học quốc gia Hà Nội.
35. Trường Đại học Luật Hà Nội (2003), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Trường Đại học luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
37. Trường Đại học luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
38. Trường Đại học luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật hành chính*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
39. Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm – Quyển 1)*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
40. Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh(2013), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm – Quyển 2)*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
41. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (2013), *Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2014*.
42. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (2014), *Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015*.
43. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (2015), *Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm 2016*.
44. Ủy ban nhân dân tỉnh Long an (2016), *Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017*.
45. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (2017), *Báo cáo kết quả công tác phòng, chống tham nhũng năm 2017; phương hướng nhiệm vụ năm 2018*.
46. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (2016), *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng*.

47. Võ Khánh Vinh (2011), *Giáo trình lý luận chung về tội danh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
48. Võ Khánh Vinh (2013), *Lí luận về tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
49. Võ Khánh Vinh (9/2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
50. Quách Thành Vinh (1997), *Mấy ý kiến về tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa*, Tạp chí Tòa án nhân dân (Số 10), tr.17.
51. Quách Thành Vinh (2005), *Góp phần nhận dạng tội danh tham ô tài sản qua một vài trường hợp cụ thể*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (Số 9), tr.22-24.
52. Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam –Viện khoa học xã hội vùng Nam bộ, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1. SO SÁNH SỐ VỤ ÁN, SỐ BỊ CÁO ĐÃ XÉT XỬ VỀ TỘI THAM Ô TÀI SẢN SO VỚI TỔNG SỐ VỤ ÁN THAM NHỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN TỪ NĂM 2013 ĐẾN HẾT NĂM 2017

Năm	Số vụ tham ô tài sản (A)	Tổng số vụ phạm tội tham nhũng (B)	Tỷ lệ (A) so với (B) (A/B*100)	Số bị cáo phạm tội tham ô (C)	Tổng số bị cáo phạm tội tham nhũng (D)	Tỷ lệ (C) so với (D) (C/D*100)
2013	4	5	80%	4	6	66.6%
2014	3	8	37.5%	3	10	30%
2015	5	8	62.5%	6	10	60%
2016	1	2	50%	1	2	50%
2017	2	5	40%	2	5	40%
Tổng	15	28	53.5%	16	33	48.4%

(Nguồn: Số liệu của Phòng Thống kê tội phạm - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An)

**Bảng 2.2. HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI THAM Ô TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
LONG AN TỪ NĂM 2013 ĐẾN HẾT NĂM 2017**

Năm	Hình phạt								
	Cải tạo không giam giữ	Án treo	Miễn trách nhiệm hình sự	Cảnh cáo	Tù 7 năm trở xuống	Tù từ 7 năm đến 15 năm	Tù từ 15 năm đến 20 năm	Tù chung thân	Tù tử hình
2013		2			2				
2014		1			2				
2015		1			3	2			
2016					1		1		
2017		1			1				

(Nguồn: Số liệu của Phòng Thống kê tội phạm - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An).

**Bảng 2.3. CƠ CẤU TỔ CHỨC LƯỢNG CẢNH SÁT KINH TẾ CÔNG AN
TỈNH LONG AN ĐẾN HẾT NĂM 2017**

Đơn vị	Phân loại cán bộ			Trình độ		
	Số cán bộ cơ sở	Điều tra viên	Trình sát viên	Trung học	Đại học và sau đại học	Chưa đào tạo nghị vụ
PC46	43	10	28	3	40	0
Cấp huyện	49	11	31	8	39	0

(Nguồn: Số liệu thống kê của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Long An).

**Bảng 2.4. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA PHÒNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG
TỔ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA, KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM ÁN HÌNH SỰ
VỀ KINH TẾ, CHỨC VỤ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 2017**

Đơn vị	Phân loại cán bộ				Trình độ	
	Số cán bộ cơ sở	Kiểm sát viên	Kiểm tra viên	Chuyên viên	Đại học	Sau đại học
Phòng 3	5	4	1	0	4	1
Cấp huyện	65	40	7	18	57	8

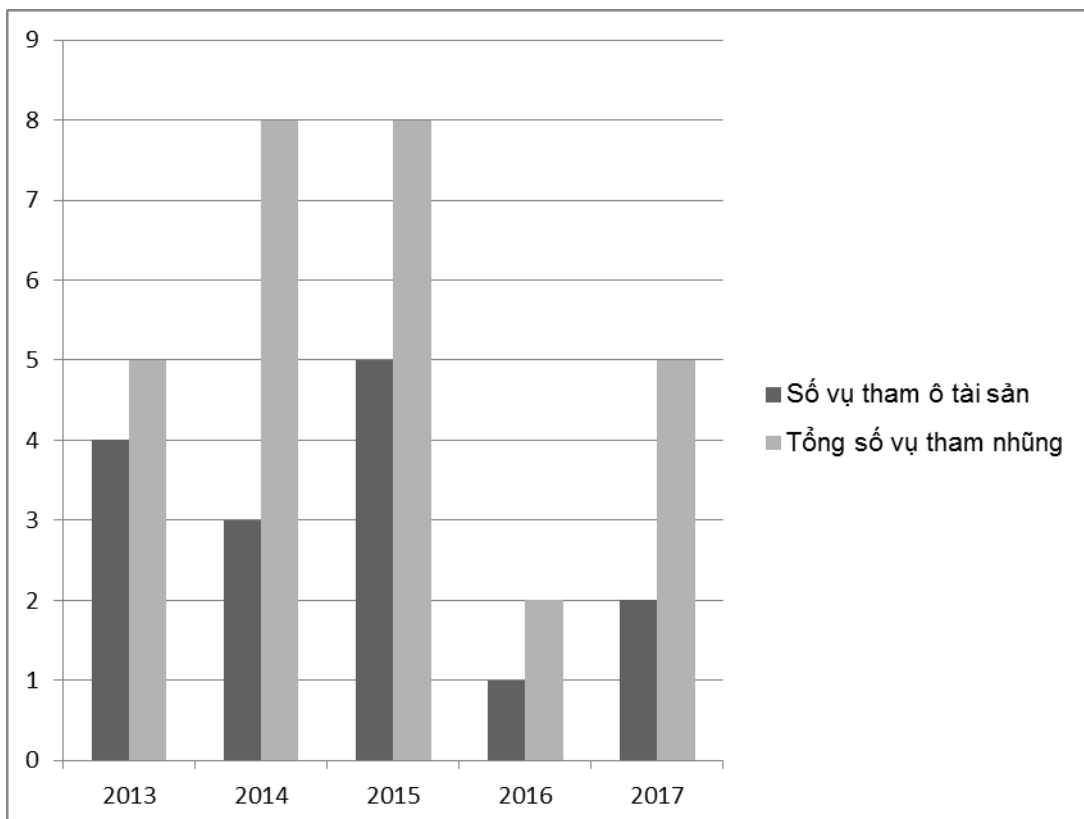
(Nguồn: Số liệu thống kê của Phòng thực hành quyền công tố kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử án sơ thẩm hình sự về kinh tế, chức vụ của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An)

**Bảng 2.5. CƠ CẤU TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 2017**

Đơn vị	Phân loại cán bộ		Trình độ	
	Thẩm phán	Thư ký	Đại học	Sau đại học
Cấp tỉnh	4	4	8	0
Cấp huyện	47	40	75	12

(Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Long An)

Biểu đồ 2.1. SO SÁNH SỐ VỤ PHẠM TỘI THAM Ô TÀI SẢN VỚI TỔNG SỐ VỤ ÁN THAM NHỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN TỪ NĂM 2013 ĐẾN HẾT NĂM 2017



(Nguồn: Số liệu của Phòng Thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An)